

TRITÂN

Tòa báo 95-97 — phố Chancéaulme — Hà-nội

Mục lục



- | | |
|---|---|
| * Dịch phẩm « Chinh-phụ ngâm »... | Hoa-Bằng |
| * Bốn bà công-chúa có tiếng văn-học... | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Bạn gái ngâm thơ | Vân - Đài — Ngân - Giang
Mộng-Sơn — Hương-Bình |
| * Ý-Lan phu-nhân | Nhật-Nham |
| * Bóng người đàn bà trong văn-chương | Phạm-mạnh-Phan |
| * Một nạn đương lưu-hành trong văn-học phụ-nữ | Mộng-Sơn |
| * Triển-vọng của văn-học phụ-nữ hiện-tại | Ái-Lang |
| * Hai bà Bùi-Thiếu-Xuân và Lê-Ái-Lương (I) | Trịnh-như-Chất |

0 \$ 30

số chuyên san về

PHỤ NỮ' VĂN-HỌC VIỆT-NAM

(Tập thứ hai)

Dịch-phẩm « *Chinh-phụ ngâm* »

phải chăng của bà Đoàn-thị-Điễm ?

HOA-BẢNG

« Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,
« Mặt chinh-phụ giăng dãi-dãi
soi... »

Và:

« Trông bến nam, bãi che mặt
nước,
« Cỏ biếc um, dầu mướt màu
xanh;
Nhà thôn mấy xóm chông-
chênh,
« Một đàn cò đậu trước ghềnh
chiều hóm... »

Đó là mấy câu linh-dộng, giàu
tượng-tượng, đầy màu-sắc, trích
trong bản dịch *Chinh-phụ ngâm*
hấy nay vẫn tương truyền là của
bà Đoàn-thị-Điễm, hiệu Hồng-Hà
nữ sĩ, biệt hiệu Ban-Tang, người
làng Hiếu-phạm, huyện Văn-giang,
tỉnh Bắc-ninh, sống vào khoảng
những đời Đế-Duy-Phường (1729-
1731), Thuần-Tông (1732—1734),
Ý-Tông (1735 — 1739) và đầu đời
Hiền-Tông (1740 — 1788) nhà Lê,
tức vào khoảng tiền bán thế-kỷ
thứ XVIII.

Nhưng dịch-phẩm ấy có quả
thật là của bà Đoàn không ? Chúng
ta ngày nay cần phải xét lại.

Vì muốn trả lời câu hỏi đó, nên
lời đã cố tìm suốt cả loại *Văn-
tịch chí* trong bộ *Lịch triều hiến
chương* xem tác-giả Phan Huy-
Chú có ghi chép gì về việc ấy
không, thì chỉ thấy ở *Thi văn
loại* trong sách ấy, dưới chỗ
« *Chinh phụ ngâm* nhất quyền,
Hương-công Đặng-Trần Còn soạn »,

Phan Huy-Chú có thêm : « Vì đầu
đời Cảnh-hưng, việc binh-cách
nổi dậy, quân-lính đi đánh và
đi thú phải ly-biệt (gia-đình).
Đặng-Trần-Côn cảm thời-thế
mà làm ra (cuốn *Chinh phụ ngâm*).
Đại lược nhất lược thể-tài
của lối cổ-nhạc-phủ và của thơ
Lý-Bạch rồi hội-hợp dung-hòa
lại làm ra thành sách. Lời và
ý thì lâm-lý, tuấn-nhã và kỳ-
dật, rất khoái-trá cho miệng
người đọc. » Đến đó, tác - giả
Lịch triều hiến chương dừng
bút lại, không hề nói cho ta biết
bản *Chinh phụ ngâm* ấy được
dịch ra quốc-âm ra sao và những
ai là dịch-giả nó !

Tôi lại phải khảo đến *Tang-
thương ngẫu lục* của Tùng-Niên
và Kính-Phủ là những người ở
cuối Lê đầu Nguyễn. Thì ở
truyện *Nguyễn-công Kiều á phu-
nhân*, sách ấy chép như thế này,
nay tôi xin dịch cả nguyên văn đề
các bạn tiện tham khảo :

« Bà Đoàn thị-Điễm là vợ lẽ
ông Hạo-hiến Nguyễn Kiều.

« Bà là em gái ông đầu xứ
(tỉnh nguyên) Bắc-giang Đoàn
Luân. Nổi tiếng là tay văn-học,
bà thường chu-toàn với anh
về việc bút nghiên, ngâm được
coi như một nước địch.

« Có lần, bà đang trang điểm
vào một buổi chiều, thì ông
Đoàn Luân xuống ao giữa mặt,
khẩu chiếm một câu rằng :

« Chiếu kính họa my, nhất điểm
phiên thành lưỡng điểm.

照鏡畫眉一點翻成兩點

« Bà liền ứng khẩu :

« Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân
chuyển tác song luân.

臨池玩月隻輪轉作雙輪

« Thái - học - sinh là Đặng
Trần-Côn hâm mộ danh bà,
đưa bài thơ đến xin yết kiến
Bà cười mà rằng : « Cậu học
trò mới học, đã thắm-thía gì ! »
(chữ Hán là sơ học tiểu sinh vị
kham tác dạng dã).

« Ông Đặng Trần Côn phát
tức, trở về lại càng cố-gắng
mài-rũa, bèn trở nên một kẻ
sĩ có danh.

« Bà kỹ tính trong việc lựa-
chọn đôi - lứa, thường không
ưng ý đám nào.

« Quá tuổi cập-kê, mới lấy ông
Hạo-hiến. Trong chốn buồng
thê, vợ chồng kính nhau như
khách. Đời bấy giờ cho là một
chuyện thú-vị.

« Khi ông Hạo - hiên mất,
những môn-nhân phần nhiều
theo học bà mà được tốt nghiệp
thành danh đến vai nười
người.

« Bà có làm tập *Tục truyện kỳ
續傳奇* có ba truyện Hải khẩu
linh từ 海口靈祠, Văn cat thần
nữ 雲葛神女 và An - ấp liệt
nữ 安邑烈女 lưu - hành o
đời.

«Cháu gái Mỗ là con ông đầu xư, được bà yêu-dầu, gả về ông Nguyễn Xuân Huy làm đốc ở tỉnh Nam. Khi ông ấy và con ông ấy mất, bà có câu đòi rằng :

«Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử.

«Mộng trung đối thoại, thù vi thiếp vô phu ? »

泉下承歡應知君有子
夢中對話誰謂妾無夫

«Tuổi 70, bà thường đi lại nơi kinh-ấp, mở trường dạy học.» (T. T. N. L. tập trên, tờ 43.b — 44 a).

Sau khi đọc hết tiểu sử bà, ta nên chú ý vào hai điểm :

1.) Việc giao-thiệp giữa bà và Đặng Trần Côn ;

2.) Việc bà trước-thuật.

Về điểm trên, tác-giả *Tang-thương ngẫu lục* chỉ cho ta biết rằng : Đặng Trần Côn là người đồng thời với bà, nhưng bà là bậc tiền bối, mà Trần là bậc hậu tiến, cho nên khi Đặng đưa đến bài thơ đề xin tiến yết thì bà cho là hạng «sơ học tiểu sinh». Nhưng giữa Đặng và bà, cái duyên văn-tự mới chỉ đến thế.

Đến truyện *Đặng quán Trần-Côn* cũng chép ở bộ *Tang-thương ngẫu lục* ấy, tác-giả lại tuyệt nhiên không đề cập gì đến việc Đặng có liên-lạc với bà. Tôi chớ chép Đặng làm được cuốn *Chinh-phụ ngâm* bằng chữ Hán thì *Tang-thương ngẫu lục* chỉ nói khi thấy thiên giai-tác ấy ra đời, bực tức-học như Ngô Thi Sĩ và hạng «kiêu-kỳ» như người Tàu

cũng đều phải khen phục. Có thể thời, chứ không thấy nói sau nó được ai di h ra van nôm gì cả

Về điểm thứ hai, tức là chỗ chép van nghiệp của bà Đoàn : *Tang-thương ngẫu lục* chỉ nói bà có tập *Tục truyền kỳ*, trong có ba truyện hành thi như trên đã dẫn. Ở đây, chúng ta ngày nay còn muôn đòi hỏi một việc tôi quan trọng : Tác-phẩm của bà Đoàn chỉ có thế thôi à ? Nếu quả bà có dịch phẩm *Chinh-phụ ngâm* mà *Tang-thương ngẫu lục* bỏ qua không chép đến thì Tùng-Niên và Kinh-Phủ, hai vị làm chung sách ấy, thật không còn từ chối được cái lỗi khuyết-lược lớn đó !

Đã tốn bao công cố tìm lấy nguồn xuất xứ về việc bà Đoàn phải chăng là dịch-giả *Chinh phụ ngâm*, mà vẫn không ra ! Tôi đang băn-khoăn, áy-náy thì tập *Đoàn thị thực lục* bằng chữ nho lại đem đến cho tôi một tin thất vọng : Suốt tập gia-phả họ Đoàn ấy chép rất kỹ về thân-thế và văn-tài bà Thị Diễm, thế mà cũng không thấy nói bà phải chăng là chủ-nhân của một áng dịch-văn bất hủ có những câu hùng-tráng như :

«Lòng hira quốc thấn sơn
ngấn ngất,

«Sức tỵ dân cứng sắt tro tro !»

Và những câu trữ-tình nhẹ-nhàng uyên-chuyên như :

«Khi mơ những tiếc khi tàn,
«Tĩnh trong giấc mộng muôn
văn cũng không !»

Hoặc :

«Hương dương lòng thiếp
như hoa,

«Lòng chàng lan-thần e lá
bóng dương !»

Vậy, ngoài sự truyền-văn, tôi không biết các nhà cầm bút hiện đại đã căn cứ vào tài-liệu trong sử sách nào mà nói bà Đoàn Thị Diễm đã dịch *Chinh-phụ ngâm*

Phải, tôi thấy ông Dương Quảng Hàm trong *Quốc-văn trích diễm* (in lần thứ bảy, năm 1942), trang 70 : «Bà có làm ra bộ sách «*Tục truyền kỳ*» bằng chữ nho và dịch quyền «*Chinh-phụ ngâm*» nguyên văn bằng chữ nho ra quốc âm hay lắm.»

Ông Sở Cường trong *Nữ lưu văn học sử* (Đông-tây, Hà nội, 1929), truyện *Hồng Hà nữ sử*, trang 7 : «Văn chương của bà phần nhiều là văn chữ Hán, bà có làm tục bộ «truyền kỳ» có bốn truyện, như chuyện Liễu-hạnh-công-chúa An-ấp liệt-nữ, người thường truyền tụng. Văn quốc-âm thì chỉ thấy có bài dịch *Chinh-phụ ngâm* đến nay hãy còn truyền tụng.»

Rồi ông Bùi-văn Lãng trong bản *Chinh phụ ngâm* dịch ra chữ pháp (Ideo., Hà nội, 1943), mở *Lời đầu*, trang 1 : «Plus tard, quand Đoàn-thị Diễm eut lu le *Chinh-phụ ngâm*, elle s'inclina devant le talent de celui qu'elle avait méprisé et se mit à traduire ce poème marqué au coin du génie.» Và nơi trang III : «En plus de cette traduction du *Chinh phụ ngâm*, Đoàn thị-Diễm a écrit un recueil de contes et de nouvelles en caractère chinois, le *truyền-kỳ* tân phả, ouvrage qui obtint un succès sans précédent.»

Và vân vân...

Nếu các tác giả trên đây chỉ dựa vào truyền văn mà nói bà Đoàn là dịch giả *Chinh phụ ngâm* thì không ke, nh rợ bằng t eo đúng
(Xem tiếp trang 14)

BÔN BÀ CÔNG CHÚA

====CÓ TIỀNG VĂN-HỌC

Ứng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

Tôi đã lấy bộ Đại-Nam liệt truyện ra dịch tiều-sử bốn bà công-chúa học rộng văn hay, sắp-sửa gửi đến nhà báo, thì nhận được số chuyên-san (tập nhất), trong có bài Ba nữ-sĩ con vua Minh-mệnh của ông Trúc-khê cũng tóm-lắt như cuốn Nữ lưu văn học sử của cụ Sở cường.

Tôi thiết nghĩ đối với những bậc văn-học đã nổi tiếng và đã chép trong các sách chữ nho, nên dịch cho đủ, cho đúng, thì người xem mới biết rõ sự nghiệp và hiểu thấu các chi tiết; nếu rút ngắn lại e rằng làm mờ mất cái hình trạng của người xưa.

Nhưng bài ông Trúc-khê cốt dịch van nho, thì lược qua tiều-sử là phải; còn như bài này cốt chép tiều-sử, nên tôi đề nguyên và đăng lên đây, góp thêm tài-liệu vào lịch-sử văn-học phụ-nữ nước ta, chứ không trùng-kiến với ai.

Nam mười năm về trước nữ-giới nước ta cũng như nam-giới, thích làm văn thơ bằng chữ nho; như bà lễ-tân Nguyễn-nhược thị-Bích, không phải chỉ làm có bài Hạnh thực ca (đã nói kỳ trước), lại còn làm cả những bài thơ chữ, như bài « Lại cử hành tế giao » : vợ vua Tự-dức (Lệ-thiên thái-hoàng

thái-hậu) đã khen là « giai tác », có truyền bà chúa tư (An-thường công-chúa) họa văn đề làm một « vận-sự » (việc tốt) ở chốn cung-vi (chép ở Đại-Nam chính-biên liệt truyện, nhĩ tập, quyển 9, tờ 7 a).

Cứ thực ra thì những bài văn thơ bằng chữ nho không gọi là « quốc-van » được; nhưng cái mầm chữ nho đã ăn sâu vào trí-não người Nam từ mấy nghìn năm rồi, cho nên người nước ta đã quen gọi và quen dùng chữ nho là « chữ ta », đến nỗi tên làng, tên xóm, tên núi, tên sông, cả đến tên người, cũng tìm chữ nho nào nghĩa hay mới đặt; hiện giờ chữ quốc-ngữ đã thông-dụng như thế, mà những quyển sổ tập-chi của mấy xóm nhà quê, vẫn còn chép bằng chữ nho !...

Vả lại, số chuyên-san này chỉ nói về văn phụ-nữ, không nói là văn chữ hay văn nôm, cho nên tôi lấy một vài tiều-sử trong Đại-Nam liệt truyện dịch ra đây, để những người không đọc được chữ nho cũng biết được cái trình-độ văn-học nữ-lưu của nước ta vào khoảng ngót một trăm năm nay ra thế nào.

Bốn chuyện chép dưới này đều nói về con gái vua Minh-mạng (1820-1840) : bà An-thường thì chưa ai dịch ra quốc-ngữ, còn bà Nguyệt-đinh, bà Thường-sơn và bà

Diệu-liên, thì cụ Sở cường đã chép trong Nữ lưu văn học sử, nhưng sơ lược quá, nên tôi thuật kỹ ra đây để thêm vào việc khảo-cứu.

Không cứ gì văn-bộc, đến đức-hạnh sử chữ nho cũng chép : bà An-thường thờ mẹ chồng nuôi con, thuộc được những đức-tính căn cơ ở chốn khuê-môn (sự cô giáo tử-khuê đức khắc nhân), bà Nguyệt-đinh là người nhún-nhuông giữ phép, không thích xa-xỉ (khiêm ước tự thủ, bất thuợng xỉ mỹ), bà Diệu-liên không ý mình là phú-quí, có phong-độ nhà nho (vô phú-quí khí, hữu nhô tố phong : lời tựa ở tập Diệu-liên), còn đến bà Thường-sơn thì khi ở trong cung, học được điều gì đều đem dạy người, khi đã vu qui, cùng chồng tiếng sắt tiếng cầm êm-đềm tốt đẹp (hữu sở đắc, chiếp dĩ giáo nhân; vu qui hậu, dư Cát sắt cầm tĩnh hảo). Xem như thế, cũng đủ biết cách dạy-dỗ công-chúa ở chốn cung-vi không khác gì thường-dân, cũng tứ đức, cũng tam tông; có khác chăng nữa là chỉ khác ở chỗ được người dạy để gây nên tài đức.

Các bà đã biết nữ-công, biết tiết-kiệm, biết đạo làm vợ, làm mẹ lại chịu khó luyện-tập, — giá tin số-học, thì đã bảo thật đúng với câu của một ông quan Tàu viết ở đầu bài tựa Diệu-liên thi tập rằng : « Li vi trung nữ, van-minh thực chủ ư Nam-thiên », nghĩa là quẻ li là trung nữ, van-minh thực chủ ở giới Nam. Lại một người Tàu nữa có câu thơ rằng : « Do lai gián khí chung cân-quốc, kiều thủ thiên Nam lệ nữ-tinh », nghĩa là xưa nay khí văn gián-thế của giới đất chung-đức ở bọn cân-quốc, ngang đầu lên giới Nam thấy sao nữ-tinh tốt đẹp. Chính những bậc

danh-nhân ở nước gốc văn nho mà còn có những câu khen người đàn bà nước Nam như thế; nên tôi thiết-nghĩ rằng tuy không phải là quốc-văn, nhưng cũng nên chép để kỷ-niệm một thời văn-học nước nhà.

Sở-dĩ thuật chuyện bốn bà công-chúa là vì có sẵn tài-liệu, chứ không phải thiên về bên nào. Thực ra tôi cũng được nghe nhiều chuyện nữ-lưu có học-lực khác thường, viết những bài người ta còn truyện tụng, nhưng vì chưa lấy gì làm chắc nên chưa dám chép. Nay chỉ chép những tài-liệu chữ nho như sau này.

Công-chúa An-thường là con gái thứ tư vua Minh-mạng. Mẹ họ Nguyễn, được phong mỹ-nhân, là chị cùng mẹ với ông hoàng chín Hàm-thuận-công Miên-thủ. Công-chúa sinh mùa hạ năm Gia-long thứ 16 (1817), trước đặt tên là Tam-xuân, sau đặt tên là Lương-đức, người thông-minh, có tính chí-hiếu, vua rất yêu; năm chín tuổi, sinh-mẫu bị bệnh, gặp tiết vạn-thọ, các hoàng-nữ được hầu cơm, lúc bấy giờ có đại-quan dâng sấm, vua chia cho các hoàng-nữ ăn; đến lượt bà công-chúa, ngậm không nuốt, vua lấy làm lạ mới hỏi, bà đứng ra chiếu khác thưa rằng: « Mẹ tôi có bệnh, không được đội ơn, trộm nghe vị này rất bổ, nên tôi đem về để đưa mẹ tôi ». Vua khen lắm, cho riêng một khay nhỏ, sai đưa về cho mẹ; các người tả hữu đều khen, có người trông thấy động lòng, rỏ nước mắt.

Khi công-chúa hơi lớn, cho ở điện Trinh-minh, sai nữ-quan dạy *Tứ thư*, chữ sử và nữ-công, đều

được thiệp-liệp. Mùa hạ năm Minh-mạng thứ chín (1828) có một đêm về tháng tư, những cung-ừ điện Trinh-minh giữ lửa bất cần, cháy lên màn, bà gặp mình lửa đây, gọi ngay những người ở ban trực đến, chính bà đỡ thúc cứu được khỏi cháy. Lúc bấy giờ vua Minh-mạng đi Thuận-an; khi về nghe chuyện rất khen, cho ba lạng vàng. Thọ-xuân vương-tên là Miên-định, con thứ ba vua Minh-mạng, thường làm bài cung-ừ, có câu rằng: « Vương-cơ hốt tác phi lai tri, bác đặc An-thường mãn chực kim », nghĩa là các vương-cơ chợt làm như chim trĩ bay lại, mong được như bà chúa An-thường đầy túi vàng; ấy chính là nói về-chỗ này.

Năm Minh-mạng thứ 15 (1834) vua đi tuần phương nam, sai bà ở nhà hầu Từ-thọ cung (mẹ vua Minh-mạng): bà chúa sớm tối vào hầu, sắc mặt tươi cười, rất được Từ-cung vui vẻ, thường đòi đến hầu cho vui. Đến khi vua hồi loan, thường cho tẩm bài bằng bạch-ngọc có cả dây đeo.

Mùa đông năm Minh-mạng thứ 18 (1837), gặp tang mẹ, bà thương xót, không trang-sức, làm đủ lễ. Năm Minh-mạng thứ 21 (1840) vua Minh-mạng yếu, bà chúa thân hành nấu cháo, sắc thuốc đề tiến, sớm tối hầu-hạ không mỏi. Đến ngày vua thăng-hà, bà đau thương đến nỗi bất tỉnh nhân sự: vua Thiệu-trị từng ban cho cháo ngự và an-ủi. Bà lại thỉnh-thoảng vào hầu Từ-cung, vẫn an. Khi nhinh-lãng, bà được theo hầu bên ghế chiếu, chọn ba năm cư tang, chưa ai thấy bà cười bao giờ.

Năm Thiệu-trị thứ nhất (1841) vua ban cho hai bộ sách: *Tiền-biên thực lục* và *Tư-trị thông-giám*.

Bà hạ giá lấy Phan-văn-Oánh là con thứ tư Phan văn-Thủy, chữ đồ-hống phủ chương phủ-sự, tước Chương-nghĩa hầu, người huyện Thuận-xương, tỉnh Quảng-trị. Sau khi về nhà chồng, tình lứa đôi càng thân-mật, không cạy mình là vương cơ, thờ mẹ chồng dạy con, rất được hạnh-chốn khuê môn.

Năm Tự-đức thứ nhất (1848) tấn phong làm An-thường công-chúa. Năm Tự-đức thứ 15 (1862) phò-mã mất. Bà dâng sớ xin làm sinh-phần để ngày sau hợp táng. Mùa hạ năm Tự-đức thứ 19 (1866) bà làm thọ 50, vua sai hoàng thân cùng thái giám đem dụ chỉ và phẩm nghi ban cho để mừng. Năm Tự-đức thứ 31 (1878) vua nghĩ tuổi bà hơi cao, lại sai bảo được các công-chúa hầu Từ-cung nên thưởng cho mỗi năm 100 quan tiền và 50 phượng gạo để thêu vào sự ăn dưng.

Ngày tháng 5 mùa hạ năm Hàm-nghị thứ nhất (1885) bà vào trực ở điện Hiếu-trị, chợt nghe có biến, lay khóc đi ra. Đến Hiếu-lăng thì quân canh-giữ đã tản-mát đi hết vào thấy trong miếu đồ đạc bừa bãi, bà khóc òa lên, rồi ở lại giữ không đi. Đến khi ba cung hồi loan, bà tới hầu bên tả hữu. Năm ấy sau khi vua Đồng-khánh lên ngôi (20 septembre 1885), bà mới về phủ (nhà riêng của công-chúa), thường được Từ-cung khen ngợi, ban cho rất hậu.

(Xem tiếp trang 8)

Bạn gái ngâm thơ

Thuyền đi

Gió lên không định giờ đi ;
Thuyền trôi ai dễ hẹn kỳ trùng lai !
Mây chờ ngừng bến xa-xôi
Nhớ thương đọng lại muôn đời quán
không.

Thuyền đi, sóng nước ngại ngừng,
Bến xanh xanh vẫn ngóng trông tháng
ngày,

Giang-lang cách trở đầu đây,
Nghe đêm vượn hót, nghe ngáy chim kêu.

Bà VÂN-ĐÁI
(Một sáng Cát-bà)

Ngày xưa

Ngày xưa có một người thơ,
Vào rừng thông lạnh đợi-chờ gió reo.
Chìm hóm loáng-thoáng qua đèo,
Cảnh chiều buồn tiếng chuông chiều
ngân-nga.

NGÂN-GIANG

Một sớm

Một sớm hương xuân tỏa sười hoa,
Giống-Tiên xách lẵng nhẹ-nhàng ra.
Trong sương xiêm áo nàng tha-thướt,
Vẳng mới dần buống đầu-múi xa...

NGÂN-GIANG

Lá thu

(Lặng hương-hồn em chồng tôi)

Vừa biệt-ly em được mấy ngày,
Đầu ngõ vĩnh biệt đã hôm nay.
Chia tay em vẫn cười trong mọi g,
Mộng giả hay là mộng thực đây ?

Bến Hồ (1) phảng-phất giấc hôm mai,
Bỗng được tin em lạnh toát người.
Vừa mới ngày nào em với chị,
Mà nay thiên-cổ chép tên ai.

Em ơi ! mặt-mặt giờ mưa gió,
Thương em, bối-rối, chị trông giờ-
Aò gò lá trút rừng thu quạnh,
Em đâu ? Em đâu ? Em đâu rồi ?

Mẹ già già-chả lẽ khôn cầm,
Nhắc lại chuyện trước ba mươi năm,
Ngày ấy chưa làm dâu họ Nguyễn,
Chị nghe, thồn-thức nỗi thương làm...

Quên nhà, bác-vội bước chân-ra,
Đem mình chống-với trận phong-ba.
Ầm-ầm sóng gió thuyền nan giạt,
Cửa bể chiều hôm, bóng ác tà..

Bề hoạn lánh xa, cha đứng đây,
Tắm thân hồ-hải từ năm ấy,
Ném bút ra đi, ngày lại ngày,
Càng ai xông vào cơn lửa cháy.

Bác một lòng, cha cũng một lòng,
Tháng ngày những đợi nước sông trong
Nghiep hết, nhà tan, người mỗi ngã,
Thu sầu, cảnh vắng, gió mênh mông.

Anh đi, lòng vương nợ giang-hồ,
Đã mấy thu rồi lại mấy thu.
Em vẫn ở nhà nuôi được mẹ,
Nhà nay lạnh-lẽo bóng giăng xưa !

Nhớ đêm chuông báo giờ thê tuyết,
Tóc mẹ, em ngơ mây núi tuyết.
Khóc rằng : « mẹ còn sống bao năm,
Mà lúc này thương con vĩnh-biệt ! »

Nhưng, gương cười, mẹ nhủ em ngay :
« Từ con xuất-giá đến hôm nay,
« Nhà gianh, ngô trúc, nền xưa vững,
« Tình hiếu hai vai một gánh đầy. »

Bảy năm xuất-giá : xuân như mộng !
Một phút từ trần : sắc hóa không !
Họ Trần mất một nàng dâu thứ,
Giang sơn trở lại chiếc mũi bông.

Đêm thâu chị ngắm chòm sao lạn,
Đèn lứt, canh tàn, ngời tựa án.
Nhặt thưa-dom-dom soi mờ-mờ,
Hồn em về-chẳng, bay tản-mạn.

Mưa lá hiên ngoài lá tả rơi,
Nghe mưa, chị cất tiếng kêu : « Giờ ! »
Giờ đâu ? Giờ đâu ? - Giờ im lặng !
Gió lên. Lá bay ào ! Em ơi !

Rừng khuya hiu hắt gió rung cây,
Lá rụng, sương đêm rụng-rụng đầy.
Ruột chị, phương giờ, thôi, muốn dứt,
Đường về Kinh bắc (2) . từ chân mây.

Những buổi qui-ninh, tuần bát-tiết,
Những ngày kỳ lạ, tháng xuân-thiên.
Mơ-màng, chị đón người xa lại,
Chỉ thấy đêm về ! Đầu, bóng em ?

Nước reo sông Nguyệt (3) tuôn hàng lệ !
Đá chất non Yên (4) ngấm khối sầu !
Em hỏi thu về, mưa gió thế ?
Tìm em trong mộng, biết tìm đâu !

MỘNG SƠN

- 1) Bến đò Hồ, Bắc-ninh.
2) Tên cũ tỉnh Bắc-ninh.
3) Sông Nguyệt Đức (Bắc-ninh).
4) Núi Yên-sơn (Bắc-ninh).

Bâng-khuâng

Bâng khuâng mây vẫn đầy chiều,
Bâng khuâng lòng nghĩ những điều vu-vơ..
Lòng chiều có những giây tơ
Em-đem kết những ước mơ em-đem.
Bạn-ơi ! hãy cuốn-cao rèm,
Mở lòng hứng lấy nguồn em vào hờ
Và nghe lơ-lửng trên cồn
Tiêu ai rêu-rất dằng buồn lên cao
Bạn ơi ! lòng cô nao-nao
Va đang nhẹ-nhẹ lên cao theo buồn ?

Bà LUU-VĂN LỢI

Bốn bà công chúa

(Tiếp theo trang 5)

Mùa xuân năm Thành thái thứ ba (1891) bà vào hầu bà Lệ-thiên thái-hoàng thái-hậu, đức thái-hoàng thái-hậu diện dụ rằng: « Gần đây bà lễ-tân họ Nguyễn (tức là bà Nguyễn-nhược thị-Bích, tác-giả bài *Hạnh Thục ca* có làm bài *Phục cử Giao-tự đại lễ* (lại cử hành lễ Giao), van hay lắm », bảo bà họa vần đề làm một việc tốt trong chỗ cung-vi. Bà vâng ý chỉ, họa vần làm thành thơ dâng lên, có câu: « Hưởng Đế, ngô hoàng tuân cổ-chế, phối thiên liệt thánh hữu thành qui », nghĩa là tế thần trời, vua ta theo phép cổ, được sánh với trời, các vua đời trước đã có nếp sẵn. Đến câu kết rằng: « Hà hạnh vi-thần bồi mặt nhĩ, mộ niên trùng đồ Hán uy nghi », nghĩa là may sao kẻ vi-thần được lâu gần, khi tuổi già lại được thấy uy-nghi nhà Hán. Từ-cung khen rằng: « Quý-nhân và công-chúa đều cùng một ý-kiến, chung sự vui buồn, mà cảm-hứng ra thì ca: cả bài trang-nhã, câu ba, bốn tả được thiết thực, câu kết càng hay ».

Bà An-thường là người ham Thiền, mến Phật, biệt-hiệu là Thanh-từ. Lúc bấy giờ phủ Tôn-nhơn xin tình thờng cho bà bốn chữ « Hiếu hạnh khả-phong »: các quan bàn rằng: « Chỗ nhà vua là đầu phong-hóa, không thể ví như bình-dàn đợc », rồi thôi.

Mùa hạ tháng tư năm Thành thái thứ ba (1891), bà mất, thọ 75 tuổi, tôn hiệu là Mỹ-Thục, được lệ tước và dụ tế rất hậu. Bà có bốn con, bốn cháu, nam chất. Con lớn là Huy, được ấm thọ, chức hiệu-ây.

Tuy-lý-vương có làm bài tán đề tiêu-ảnh công-chúa như sau này: « Y dư ngã tử, nhu gia uyên tắc, quan bị kỳ kỳ, ngôn bất xuất quốc, vương-cơ tôn quý, cần-kiệm khiêm-ức, thất giới túc nhân, tam tông duy tắc, hữu tử khắc hiếu, hữu tôn thị trử, phúc thọ vị ngãi, khang ninh hiếu đức, ô mục hoàng phong, tự gia nhi quốc, tứ phương quan cảm, đồng sử thị thức ». Nghĩa là: « Tốt thay! chị ta là người ăn nôi nhu-mi, tính nết tốt nghĩ ngợi thành-thực, mũ áo chững chạc, lời nói không ra khỏi cửa. Vương-cơ là bậc tôn-quý, biết cần kiệm khiêm-ức, bảy điều răn đã quen, ba chữ tông là phép, có con được hiếu, có cháu hầu bên cạnh, phúc thọ chưa hết, khang ninh đức tốt. Ô! phong-hóa nhà vua, từ nhà rồi ra đến nước bốn-phương xem đến cảm hóa, là khuôn-mẫu ở nơi đồng-sử. »

Đọc bài tán ấy cũng như bài kỷ-thực (chép trong *Đại-Nam chính-biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 9, tờ 4 b-8 a).

Qui-đức công-chúa Vĩnh-trinh, biệt-hiệu Nguyệt-đinh, là con gái thứ 18 vua Minh-mạng, và em cũng mẹ với Tông-thiện quận-vương Miên-thần. Sinh năm Minh mạng thứ 5 (1824).

Ngời thông-minh nhanh-nhẹn, tính rất thuần nhất. Bắt đầu theo học nữ sử ở trong cung, đến khi lớn, hay ngâm vịnh. Aph là Miên thần dạy luật thơ Đường bà đều thiếp-liệp.

Nam Tự-đức thứ ba (1853) bà già lấy phò-mã đô-uy Phạm-Thuật. Thuật-tên tự là Kế-chi, hiệu Tiêu-lâm, người Tân-hóa

(Gia-định), con quan cố-mệnh hương-thần cần-chánh diện đại-học-sĩ thái phò Đức-quốc-công tên Hưng, là em út Lệ-thiên chương hoàng-hậu.

Chúa sinh ở chốn thiên-gia, lấy chồng nhà thích-lý, mà vẫn giữ khiêm tốn, chưa từng sa-sỉ khoe-khoang. Bà chỉ ham ưa đồ thư và chữ sử. Sau khi lấy chồng, cùng xướng họa, thường thường có giải tác, được các tước vương khen ngợi.

Năm Tự-đức thứ 14 (1861, kỳ trước, in nhầm ở trang 8 là năm Minh-mạng thứ 14, 1833) Nam-châu có việc. Phan-Thuật vâng mật-chiếu vào Gia-định phỏng sát, mất trong khi đi việc quan. Tin buồn đến nơi, vua rất thương tiếc, truy-tặng làm quang-lộc tự-khanh: chiếu theo hăm truy-tặng cấp cho tiền tuất, lại cho thêm các hạng lụa, sai quan thái-giám tuyên sắc và hỏi công chúa muốn quan-cửu phò-mã về ngay hay đợi khi xong-việc chở thuyền về kinh, hoặc cứ đưa về Gia-định an táng, cho tàu rộ thực-tình. Công-chúa bèn dâng biểu xin cho trạm đưa về kinh-ngự.

Bài biểu nguyên-văn bằng chữ nho, tạm dịch như sau này:

« Làg-quân tôi, thàng trước vâng mật-chiếu, ở chốn cấm-môn, tới nơi biên cảnh, thơ hoàng-ba dò hỏi, thương về việc nước lúc rồi lên, chốn lữ-khách dần-dà, mất ở trong khi làm phận-sự; chọn tiết làm tôi, không dài tuổi thọ. Chợt nghe tin dữ, huyền-qĩnh cầm việc quan (1), đầu dám lán nản, viết-cơ lệ nghĩa tử (2), tôi đã chẳng được hầu Tử-Xá đề dưỡng bệnh (3), lại chẳng nghĩ làm Kiêm-

lâu mà chủ tang, đáng tội gì thay! Có thể nhẫn được, chỉ có thể cất thoa, bỏ phần, đành là mang tiếng suốt đời, giầy đứt g(ong) tan, gương ngấm hờn ở giữa đường mà thôi. Nhưng mà chẳng ở chi hử? Kềi hôn yếm - chệ đề là n bóng mai thiếp ở. Hà đương giải nỗi khóc than, tay cầm ngọc-quyết (4); xót thắm liềm gạnh, khi mộ vãn, khi xuân thụ; xa, trông nghìn dặm, nào linh oửu, nào xuyên xa, mẹ già tóc bạc khóc ra hòng, con nhỏ lông son rảy áo trắng, già như những khách qua đường, còn vì thương xót, trừ không phải thối gỗ đá, sao đời được lâu. Rất sợ như bóng mặt trời tàn, cây nẩy úa, như cỏ non yếu đuối, bóng trần lung lay, chợt gặp nhau ở chốn mình mình, bẽ bối rõ từng lúc, trách lấy nghĩa phu-phụ, lấy tình tử sinh, thì tôi lấy gì mà nói lại với người dưới toà i-dài, cho khỏi phụ cái công dạy dỗ ở chốn công-cung, tôi đã nghĩ đi nghĩ lại, thì an táng ở Phú xuân là hơn. Nay đã vâng sắc-mạng ở đại trung suy ra lòng vish-tử, nhưng theo người con gái đầy bầu ở bến sông Lại thì, còn kém xa (5).

« Cúi xin nghĩ đến việc ngu-thần thờ nước, xét đến lòng ly-phụ của ai, mong được khinh quan (6), chớ nên chuyên đạo (7), cho chuyển oửu như chuyện Tử-Cư, xin phủ tang như Viên-Thị (8), lần qua quẩn núi rừng, chẳng ngại sóng to gió lớn, thực là nhà vua hậu tử, không phải thần thiếp dám mong, tôi xin tự-xuất 120 lạng bạc để chia cho những trạm phu hộ tống, nếu được đội ơn nhà vua tôi xin tôi không những làm con chim ngậm đá, lấp bề đông khi

sóng gió, lại xin làm người kết cỏ, buộc quân dịch ở chốn rừng vắng.

Vua xem rồi thấy tình sự thiết, chuân cho, ban chiếu cấp cho phủ trạm đưa quân - tài về kinh. Ngày hôm an-táng sai quan đến tế, công chúa lại xin tự làm ra một cái sinh-phần ở cạnh mà ông Tquan đề ở. Từ bấy giờ thì với trong lâm, khóc đến rã máu, một mình ở chốn cô - phòng, không ra khỏi cửa, hầu hơn mười năm, người ta khen là khổ tiết.

Nam Tự-đức thứ 22 (1869) phong làm qui-đức công-chúa. Năm Tuân-thái thứ tư (1892) công chúa mất, thọ 69 tuổi, tên là Thụy Cung-thục.

Công-chúa có tập thơ Nguyệt-dinh thi - thảo. Công - chúa là người trình-lịch, xuất tự thiền-tĩnh, được sự giáo - huấn trong cung khốn và các ông anh; việc làm trước sau đều theo lẽ chính, cho nên trong bài tựa tập thơ, Tuy-lý quậ i-vương Mên-Trình có câu: « Phật ra ở tỉnh, dừng ở lẽ nghĩa, cũng như thơ Hà-quảng thơ Tái-tri ở Vệ phong. »

Công-chúa có một con gái tên là Uyên-la mất sớm, trước nuôi cháu chông là Đang-Tiến làm thừa tử. Sau vì Đang-Tiến là người du-dăng, công chúa mới làm một từ đờng ở trước mộ chông và đặt riêng từ đờng làm hương-hỏa (chép trong Đại-Nam liệt truyện nhị tập, quyển 9, tờ 13 a 16 b).

Diệu liên công-chúa là con gái thứ 25 vua Minh-mạng, tên là Trính-Thận, tên tự là Thúc-khanh, một tên tự nữa là Nữ-chị, hiệu là Mai-am. Bà cùng chị là Qui-đức

công-chúa (con gái thứ 18 vua Minh-mạng), tự là Trọng-khanh, em là Thuận-lễ công-chúa (con gái thứ 31 vua Minh-mạng) tự là Qui-khanh, 3 bà chúa đều thụ nghiệp ở ông anh là Thương-sơn (Tông-thiện quân vương Miên-Thâm). Lúc bấy giờ hồi tiếm tam khanh ở kinh-thành. Nhưng Thúc-khanh tức Diệu-liên xuất sắc hơn cả.

Bà lấy hiệu úy Thân-trọng-Di Hai ông bà như sắt cầm hợp vận người trong nước ai ai cũng khen là phú - quý cho.

Tác-phẩm của công chúa chép lại ở Diệu-liên thi tập, có bản in, sáu ông đề tựa, đề từ và跋 hậu, đều là những bậc đại gia khoa bảng nổi tiếng đương thời.

Duy có lạ một điều là tập Diệu-liên này không những là người nước ta khen hay, cả đến người Tây xem đến cũng thần phục, cho nên có sáu người Tàu đề tựa. Trong sáu người ấy có một người, đàn bà; mỗi người làm một lời văn; người thì làm thơ tứ tuyệt người thì viết đối nhau như lời phú.

Có câu đề tựa rằng: « Lời thơ trong-trẻo mà có màu, đẹp để mà có phép; những bài trạng-thiên, không bài nào là không khéo; những câu đoản ngâm, không câu nào là kệ ỉg hay ».

Lại câu này: « Một tập văn thơ lời như châu ngọc vượt qua bể sang Tàu, mở xem trong quyển tập thấy ánh sáng của Vụ-tĩnh ngấm ở trong ấy. »

Còn nhiều câu khen bà Diệu-liên đề lại cái đức sáng ở chốn khuê vi nữ-sĩ và nói cái đức hạnh của bà có thể làm gương ở chốn cung-dinh.

(Xem tiếp trang 20)

Y-LAN PHU-NHÂN

NHẬT-NHÂM

Y-Lan phu-nhân, húy là Yến-cô-nương, tục-danh là cô Cám, là một thôn-nữ làng Thổ-lỗi (sau đổi là Siêu-loại rồi lại đổi là Thuận-quang, nay thuộc tổng Dương-quai phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh).

Sinh trưởng dưới triều Lý (1010-1224), Y-Lan phu nhân là một vị nữ-kiệt nổi tiếng trên lịch-sử Việt-nam. Sự-nghiệp của Y-Lan phu nhân còn rõ ràng trong chính-sử, trong sách *Thiên uyển tập anh*, trong thần-tích các làng vùng Siêu-loại (Bắc-ninh).

Tuy xuất-thân tại nơi đồng ruộng, tuy sinh giữa một thời-đại chưa có trường nữ-học để nữ-giới luyện-lập văn bài, mở mang trí-tuệ, nhưng Y-Lan phu nhân nhờ giáo-dục trong gia-đình, nhờ cô, gi, bác, mẹ truyền-khẩu, dạy học thuộc lòng những thiên Nữ-huân, Nữ-tắc; lại nhờ có ảnh-hưởng tốt trong xóm, ngoài làng do những đức hay hết đẹp của các hiền-phụ, hiền-mẫu làm gương, làm mẫu chơ, nên phu-nhân sớm đã tạo được bất đức đoan-trang, gây được cái nữ-công khôn khéo, nuôi được cái tính tốt nhân-từ, bố-thí, tập được cái thói hay trọng nghĩa khinh tài.

Khi còn ở nhà, cha già, mẹ yêu, ngon ngọt phụng thờ, trong họ ngoài làng, thuận-hòa êm ấm, nên thời bấy giờ ai cũng trông về đức-bình, mến vì sắc-tài. Cái phẩm cao, hạnh quý ấy đã hù q đức Y-

Lan phu nhân sau hãy thảnh một đáng hiền-thê, một vị từ-mẫu, đã từng phen thùi liên thỉnh-chẩn, công nghiệp lấy lòng còn ghi trong sử sách.

Thời bấy giờ, vua Lý Thánh-Tôn (1054-1072) đã 40 tuổi mà chưa có con để nối ngôi. Vua lấy làm lo cho xã-tắc, bèn thân-hành đi cầu tự các chùa có danh tiếng. Đi đến đâu, dân địa-phương cũng mở hội để nghênh giá. Một ngày kia, Hoàng-đế ngự-giá về lễ tại chùa làng Thổ-lỗi và cho phép dân-chúng được tự-do chiêm ngưỡng long-nhan. Dân làng, già, trẻ, nhớn, bé, trai, gái, nô nức, kéo nhau tới xem rất đông. Trong khi đoàn ngự-chầy qua, một người con gái cứ bình-tĩnh hái dâu, đứng dựa vào bụi cỏ lan, bình như không quan-tâm đến việc hiện xảy ra quanh mình.

Từ xa, vua Lý-Thánh-Tôn đã trông thấy ở dưới ruộng dâu, người thôn-nữ không tuân vương-mệnh, không đi xem hội, lại đi hái dâu trong khi ngự-giá về lễ chùa làng.

Thấy vậy, ngài bèn cho đòi người thôn-nữ hái dâu ấy tới trước long nhan xét hỏi,

Thiếu-nữ tuân-lệnh tới bệ kiến. Vua thấy người tuy an mặc quê mùa, nhưng sắc đẹp như hoa cười, cử-chỉ đoan-trang nổi năng phong-nhã, tấu đối phân minh, ngoài mặt đầy vẻ từ-bi, trong lòng chứa chan lễ nghĩa. Tu-tướng

và cử-chỉ thiếu-nữ khác hẳn người thường. Vua mến vì sắc, trọng vì lòng nhân-hiếu, nên cho thiếu-nữ theo long-giá vào cung. Thiếu-nữ ấy là Yến-cô-nương cả đem theo hai tên thị-tỳ là Ti-Nam và Ti-Thảo từ nhà vào cung để hầu-bạ.

Vua cử một vị nữ-giáo-sư ngày ngày vào cung Y-Lan để dạy Yến-cô-nương học-tập.

Cung Y-Lan là một nơi nhấ-thứ thanh-cao, nền thơ, nền họa, trong số các cung-điện nhà Lý. Kiến-trúc rất khéo, cảnh-trí chung quanh rất đẹp, vừa giản-dị, vừa tự-nhiên, đã có thiên-dòng lại thêm nhân-xảo, thực là một tòa nhà vô cùng mỹ-lệ. Giữa khoảng đất rộng, nổi một cái đài cao, 4 mặt cỏ biên, có lan-can, có bậc lên xuống. Đài đã cao, trên lại có lầu. Hai mặt đông tây đài, có nhà giải-vũ để các văn-nhân, học-sĩ hay nhạc công tức-trực. Bốn mặt đài trồng hoa và cỏ-thụ. Mặt nam, có hồ sen to rộng; trên bờ hồ, có duơng-liều cảnh lá thướt tha. Chung quanh ngoài, vây tường, hoá thủng và thấp ngang mặt người. Phía tây bắc là vườn Thượng-uyển. Đông bắc cách hoàng thành là hồ Tả-y.

Từ khi có cung Y-Lan, tiếng bình văn, đọc sách, tiếng âm nhạc họa, văn không mấy lúc ngớt.

Nhưng trong vòng hai năm trời, vua Lý-Thánh-Tôn bận việc quốc-phông, khi thì thân-chinh tiêu-giã, khi thì đi duyệt võ, khi thì tuần-thú phương nam, nên vua không được nhàn rảnh để ngự tới cung Y-Lan mà hưởng cái thú thái-ho bình san, tấu nhạc.

Vì vậy, trong khi, ấy, trong thành, ngoài nội, vắng tiếng bình văn của các vị học-sĩ hay tiếng

ngọc-dịch của cung-nữ từ lâu Ý-Lan vọng xuống.

Ngoài hái mụ cung-nhân già yếu, vài tên thị-vệ cao lớn phòng tưới hoa, quét rác cung Ý-Lan thực là tịch-mịch thanh u.

Đương lúc cung Ý-Lan vắng tiếng tơ, tiếng trục, tiếng giảng đọc ngâm nga, thì một ngày kia, sau khi vua Lý-Thánh-Tôn đi chày bọì chùa Thờ-lỗi, trong cung Ý-Lan tại hiện ra một quang-cảnh hoạt động khi xưa.

Một vị nữ-giáo-su đứng tuổi mỗi ngày từ sáng sớm đi vòng vào đến cửa cung, rồi xuống vòng đi một mình vào nhà tây-vu, giảng dạy cho Yến-cô-nương học đọc, học viết, học làm văn, làm bài, làm thơ, làm câu đối, đến tối mới về.

Luôn bên mình, có hai thị-nữ sẵn sóc hầu hạ, Yến-cô-nương suốt ngày đọc bài, kẻ sách, tập viết, trong nhà Tây-vu. Chỉ trừ sáng và chiều, cô mới ra ngoài đứng tựa hiên trông mây, bóng mát, hoặc thướt tha dưới dặng liễu hay trên bờ hồ sen để ngắm nước xem hoa.

Thông minh vốn sẵn tư trời, Yến-cô-nương học rất chóng, chẳng bao lâu kinh sử lâu thông văn-chương quán-triệt.

Vua thấy vậy, đem lòng sủng ái, mới nạp làm cung-phi, phong làm Ý-Lan phu-nhân là lấy tên cung Ý-Lan, nơi phu-nhân luyện tập văn bài khi mới theo vua Lý-Thánh-Tôn về kinh, lại có ý là người còn gái đứng dựa bụi lan.

Được ít lâu, phu-nhân có thai, rồi sinh ra Hoàng-tử đặt tên là Càn-Đức. Từ đó, phu-nhân được phong là Nguyên-phi.



Nam Kỷ - dậu (1069), vua Lý-Thánh-Tôn ngự giá đi đánh Chiêm-thành. Trong khi ngài viễn-chính, nguyên-phi nhân - ái, đảm - đang, cáng-đáng mọi việc, trị nước rất có kỷ-cương, khiến trên từ quan, dưới đến dân-chúng đều phải thần-phục, trong cảnh thăng bình.

Vua Lý-Thánh-Tôn đánh trận đầu không thành công, bèn rút quân về. Nhưng đi đến nửa đường, nghe thấy dân-chúng ca-tụng Nguyên-phi ở nhà giám-quốc, trong nước được yên ủi, Thánh-Tôn nghĩ bụng rằng : « Người đàn-bà trị nước còn được như thế mà mình đi đánh Chiêm-thành không thành công, không nhẽ đàn ông lại hèn không bằng đàn-bà hay sao ! » Nghĩ vậy, lại đem quân trở lại đánh Chiêm-thành, bắt được vua Chiêm là Chế-Củ. Chế-Củ xin dâng đất 3 châu Địa-lý, Ma-linh, Bố-chính (Quảng-bình và Quảng-trị bây giờ) để chuộc tội. Thánh-Tôn nhận ba châu ấy, tha cho Chế-Củ về nước.

Thánh-Tôn về triều, năm ấy (1069) đổi niên-hiệu là Thần-Võ để ghi cái chiến-công oanh-liệt bình Chiêm.

Nam Nhâm-tí (1072), Thánh-

Tôn mất, tại vì được 18 nam, thọ 51 tuổi.

Thái Tử Càn-Đức lên nối ngôi, tức là vua Lý-Nhân-Tôn. Nguyên-phi được phong làm Ý-Lan Thái-phi.

Nhân-Tôn mới lên 7 tuổi, Ý-Lan Thái-phi vừa giúp chính, vừa dạy dỗ con, đào-tạo nên một vị anh quân có đạo. Trong khi giúp vua, thay giữ chính-quyền, nước được thêm giàu mạnh Thái-phi ban hành nhiều nhân-chính, thực đáng là một vị nữ chúa oanh-liệt và nhân từ ít có. Những việc sửa sang quốc-chính, việc học, việc thi, việc đánh Tàu, đánh Chiêm thành, gian-nan trọng-đại, bao nhiêu quốc-gia đại-sự, tuy ngoài cổ thái-sư Lý-đạo-Thành làm phụ chính, nhưng ở trong phần nhiều đều do một tay điều-khiển của Thái-phi Ý-Lan buông rèm nghe việc triều-chính. Ấy cái chính-sánh cầm vận mệnh quốc-gia đều do Thái-phi Ý-Lan chủ-tương tất cả. Tuy vua Nhân-Tôn lên ngôi năm 1072, nhưng cách mấy năm sau, Lý-đạo-Thành vì chính-kiến bất hợp phải bỏ ra làm Trấn thủ nghệ an, thì những việc trên kia xảy vào khoảng 1075 1078 tất phải do Ý-Lan thái-phi điều-khiển trong khi vua còn thơ-ấu.

(Xem tiếp trang 15)



Đọc cuốn « Dân bà và nhà văn » của ông bạn chúng tôi là Kiều Thanh-Quế, chúng tôi thấy biết bao thiên tài chỉ vì một bóng hồng tha thướt, kích thích tâm hồn, mà tơ lòng rung-dộng, nảy được những câu tuyệt diệu hoặc dựng được sự nghiệp trên chốn vụn dạn bằng những tác phẩm bất-hủ.

Vở tuồng-thuyết đầy lãng-mạn, *Werther*, đã từng một giao được thanh-niên các nước coi như kinh nhật-tung, chỉ là một thiên tình sử lâm ly réo rất « thoát thai » trong một cuộc tình duyên của nhà đại văn hào đức, Goethe (1712-1832).

Biết bao các giai nhân diễm lệ đã từng có ảnh hưởng sâu xa tới thiên tài của Rousseau (1712-1778). Những cảnh êm đềm đầy thơ mộng của ông tả trong cuốn *Nouvelle Héloïse* chỉ là những giờ phút say xưa của Rousseau với bà D'Houdetôt hay với những bạn tình khác.

Trong những giờ phút mê ly cạnh người bạn lòng, Georges Sand, ở Fontainebleau, Musset (1810-1857) đã thảo nên thiên tuyệt bút « *Nuit de Decembre* ». Lúc bị người yêu ruồng bỏ, nhà thi sĩ ấy tâm hồn ngầy ngất, bèn ký thác những thôn thức của lòng trong bao vầng bi đật ở bài thơ *Nuit de Mai*.

Thị sĩ Avers (1806-1851) cũng chỉ vì người mình yêu, bà Menes-sier con gái nhà văn sĩ Charles Nodier (?), 1 trái lòng lững lờ gئے lạnh mà lưu lại hậu thế một bài thơ nổi tiếng, bài *Sonnet* trong tập thơ đầu, *Mes heures perdues* (1837), đề tỏ niềm tâm sự:

..Aussi j'aurai passé, près d'elle
inaperçue,
Toujours à ses côtés et pourtant
si lointaine,
Et j'aurai jusqu'au bout fait mon
temps sur la terre,

N'osant rien demander et
n'ayant rien reçu...
Hỡi ơi! Người đó ta
đây,
Sao ta thui thủi đêm ngày
chĩếc thàn ?
Dẫu ta đi trọn đường
trần,
Truyện riêng dễ dảm một
lần hé mồi.
(Bản dịch của KHÁI-HƯNG)

Đó mới là những
giai thoại nên thơ của
làng văn tây phương.
Dưới đây xin thuật một chuyện
Đồng phương đề hiến các bạn
đọc (1).

Trương Thuyền Sơn, tự là Trọng-Trì, người Toại-ninh (Tứ-vuyên), đậu tiến-sĩ phẩm Càn-long thứ 55, đời Thanh-Cao-Tông (1736-1795). Trương nổi tiếng là một tay thơ hay nhất ở Thục. Tập *Thuyền sơn thi thảo* của Trương có lắm bài linh động những khí sông, mà lại phẳng phất cái giọng Lão Đỗ (Đỗ Phủ) đời Đường.

Nhưng trong nhà thơ này có một giai-nhân rất tương đắc với Thuyền-Sơn. Sống chung trong bầu không-khí thanh phúc, họ cùng nhau xướng họa những khi nhàn rỗi. Người ấy tức là khuê trung hữu của « Vuông già núi Thục » (dịch nghĩa chữ « Thục sơn Lão viên ») (2).

Vợ Thuyền Sơn cũng là một nữ sĩ nổi tiếng, nên lúc cảm hứng, bà có tặng chồng một bài thơ:

Ái qí àn bùt de hữu y^ô 1 hà,
 Tự bặt kìm thoa phò tuu gia.
 Tu đĩ^o nhàn gian tài tử phụ,
 Bật từ thanh sũu tĩ^u mai hoa !

Yêu anh : máy khâu bút bày tài,
Vui thảo thoa vạt g đũa rượu chai.
Tòe sô : làm bà « thi sĩ kiết »,
Quần bao 'gầy nhẹ tựa bóng mai !
(Bản dịch của Hoa-Bằng)

Bóng ngời đàn bà
trong văn chơng viêt-nam

■ PHẠM-MẠNH PHAN

Yêu văn thơ chồng đến nỗi thảo
cả thoa vàng gán cho làng rượu
dề lấy rượu chồng uống ; yêu cái
diễm phúc làm vợ một anh « tài sĩ »
nghèo, đến nỗi vui lòng chịu gầy
như bông mai. Cái yêu ấy kẻ cũng
cao tuyệt. Bà Thuyền-Sơn thật đã
gặp những bà vợ hiền nước Đại-
Việt ta trong câu phụng dao này :
*Đốt than nướng cá cho vàng,
Lấy tiền mua rượu cho chàng uống
chơi !*

Trên đây mới là mấy giai thoại của làng văn ngoại quốc.

Trong văn chương viết nam
những chuyện nên thơ chỉ vì một
bóng giai nhân không phải là hiếm.

Trước vẻ thướt tha kiều diễm, các cụ ta xưa tâm hồn cũng đã từng phen rung động mãnh liệt nên lời cảm lú.

Đọc văn thơ các bậc tiền bối, chúng ta ai còn không biết vua Tự Đức, tức đức Dực tôn (1848-1883) là một ông vua hay chữ nhất về triều Nguyễn.

Ngài đã đặt ra Tập hiền viện và Khai kinh điện để cùng ba quan ngâm vịnh và bàn bạc văn chương.

Trước cái chết bi đát của Thập
Bảng, một cung phi mà đức vua
triu mến, Ngài đã từng thấy lòng
nặng trĩu những đau thương.

Cảm tình chạnh gợi lòng nản,
Ngài bèn ghi trên giấy bằng
những lời thơ đầy nhớ nhung
xao xuyến :

Ô, Thị Bằng ơi ! đã mất rồi !
 Ô linh, ô nghĩa, ô duyên ôi !
 Mùa hè, nắng chói, oanh ăn nói ;
 Sớm gõ, trưa sân, liễn đùng ngổi.
 Đập cô kính ra, tìm lấy bóng,
 Xếp làn y lại để dành hơi,
 Mỗi linh muốn dứt càng thêm bận !
 Mãi mãi theo hoài cội chẳng thôi !

Đối cảnh tình duyên chia rẽ,
lòng đức Vua, nghĩ tới bóng giầy
nhân, như thấy ghen ngào vì
thần thức. Mà cuộc phối hợp lữ
làng ấy đã lưu lại cho hậu thế
bằng mấy vần thơ bất hủ, chứng
thực tình yêu tha thiết của bậc đế
vương thi sĩ.

Cái chết của bậc trung phi đã được bút mực ghi bằng những lời làm lý thống thiết thì bóng một bậc hiền phụ đáng kính trọng đáng tôn sùng cũng được cụ Lương Khê I ban thành Giản (1796 — 1867) kỷ công trong những vần thơ thành thực:

Từ thuở vương xe mỗi chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông :
Đàng mây cười tở ham giọng ruồi
Trưởng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước, nợ trai đành nổi bận,
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn lâm biệt,
Rằng nhớ rằng quên, lòng hỡi lòng

Với cảnh nhà thanh
bạch, với đấng cha già,
với đàn con dài, trước
lúc bước chân ra đi
«¹ giong ruổi đường
pháy » tram công ngận
việc, cụ Phan đều nhớ
cây bặc liền phụ đảm
đang.

Bóng người đàn bà
khuôn mẫu ấy được ghi
trong văn thơ việt nam
mãi mãi vì cái tình

kháng khí ấy « ghi lạ, có non sông » vẫn hàng theo rồi cụ Lương Khê trong lúc sinh thời.

Trước công luận nghìn thu, bậc
hiền phụ ấy đã từng sống những
ngày « tàn khốc » quả đã được đền
ơn bằng một bài thơ thống thiết.
đủ làm chói lọi tấm gương sáng
của trang hiền phụ.

Cũng như cụ bà Phan thanh Giản, bà Tú Xương người huyện Mỹ Lộc, Nam Định, có đủ đức hạnh của người đàn bà theo khuôn mẫu Khổng giáo.

Suốt đời cặm cùi, nắng mưa
nào quản, bà rốc lòng vì gia
đình mà :

Quanh năm buồn bán ở miền sông
Nuôi nấng nam còn với một cồng.
Lật đặt chân cò ki i quăng vang,
Eo sèo mặt nước buoi đỏ đông
Một duyên hai nợ ầu đành phận
Năm nắng mười sương đam quan c

Cũng chỉ vì nhờ bà đảm đang mọi việc, nên ông Tú Xương mới « tiền bạc mạt ti ty con mụ kếm » mà nay hát mai đàn, « cầm kỳ thi tửu vui ra phé ».

Sống bao năm phung phí, ông
Tú tha hồ liễu lĩnh mà ngấm thơ,
mà vịnh nguyệt, mà hỷ lòng cò
kim đề lưu lại hậu thế những vần
thơ chua cay trào phúng.

Bà Tú, người dẫn bà đàn đang ấy, đi đòi sự giúp đỡ hũ của ông Tú Xương như hình với bóng.

Bóng người ấy còn mãi mãi
lời non sông đất Việt mà tiêu
biểu cho một lớp người trong
đám phụ nữ cựu thời, sống âm
thầm những chuỗi ngày cần cù
trong bóng tối, dù suốt đời hy
sinh cho gia đình, giương cờ
của quốc gia, mà không hằng
biết đến những ngày hoan lạc.

Nền công nghiệp các bậc hiền phụ được ghi trong văn chương Việt Nam bằng những bài thơ tuyệt diệu, thì những giai thoại khác chỉ vì bóng đàn bà mà có không phải là hiếm.

Cụ Nguyễn công Trứ (1778-185\)
một bậc tài hoa lỗi lạc, đã từng
sống ni ứng ngày phồng khoảng
nền khi thường :

Cơ chính choáng gậy vắn tr' l
đặt lại,
Chắc nắm nơc náo lặn sẽ huy...

Hồi còn hàn vi, cụ đa tài »
« khắp đông tây nam bắc bốn
phương trời, dầu cũng lừng danh
cùng tử xác »

• Các chốn yên hoa, cụ vẫn
thờn nang lui tới nên « khi
đứng, khi ngồi, khi nói truyện
lúc say lúc tỉnh, lúc chiêm bao
tả n lời cụ vẫn lần lượt ở chơi
ca triờn mà vương vãi với gỏi g
lát du đờn nhịp nhàng hò đệu
cùng tênh sinh lễ ỉg phách.

Hu Thu, một cô nữ, tuy trẻ
mãi tóc đã nhuộm sương, nhưng
sắc đẹp mê hồn vẫn còn để quyê
rủ lòng người lỗi lạc.

Cụ Nguyễn công Ít muốn gả
ng ỉa nữ ấy nhưng không
được. Vốn là một tay đàn giỏi, c
mới th ác kế xin với H ệu Tư cho
theo làm kép dề đ c luôn luôn
gần gũi giai nhân

(Xem tiếp trang 21)

Dịch phẩm

« Chính - phụ ngâm »...

^u (Tiếp theo trang 3)

phương-pháp khoa-học, có căn-cứ vào một nguồn nào xác-thực hẳn-hoi thì xin các ngài làm ơn công-bố cho văn-học giới cùng biết để phá cái nghi án văn-học bấy lâu và trình cái nạn « rầu ông, cảm bà » hang vẩy trên trang văn học sử Đại Việt.

Trái lại với những thuyết trên nhìn nhận dịch phẩm *Chinh-phụ ngâm* là của bà Đoàn, ông Đông-châu Nguyễn Hữu Tiến lên tiếng trong *Nam-Phong* số 106, Juin 1926: « Cứ tra trong *Phan gia tộc phả* cùng lời các phụ-lão trong họ Phan truyền lại thì bài *Chinh-phụ ngâm* bằng Hán văn tả của ông Đặng Trần-Côn người làng Nhân-mục làm ra, mà cụ Phan Huy Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm... » Và «... *Chinh-phụ ngâm* khúc bấy lâu nay ta vẫn truyền là bà Thị Diễm diễn nôm, dễ thường không phải, mà chính là cụ Phan Huy-Ích dễn ra đó chăng? »

Về vấn-đề này, theo ngu ý, có nhiều tình-tiết phức-tạp. Có thể là

Nên mua : cho các trẻ em đọc :

TÂN NỮ-HUÂN CA

(đã được giải thưởng hội Khai trí)

Giá 0\$20 — Cước 0\$08

bán tại :

hiệu sách Đồng Tây

197 phố hàng Bong Hanoi
(gửi bưu tem (cò) cũ ịg được)

cùng một đầu đề là *Chinh-phụ ngâm* mà có mấy bản dịch khác nhau. Bản được thông hành nhất là bản dịch mà bấy nay vẫn tương truyền là của Đoàn-thị-Diễm.

Bà Đoàn có lẽ lớn hơn Đặng Trần Côn độ ngoài 10 tuổi. Mà Đặng, khi còn là học trò, từng sống dưới mệnh-lệnh Uy-vương, cầm Thăng-long thấp đèn trong ban đêm, thì Đặng chắc-chắn là người đời chúa Trịnh - Giang (1729-1740), còn sống sang đời chúa Trịnh-Doanh (1740-1767) và đầu đời chúa Trịnh Sâm (1767-1782) nữa. Vì thiên *Chinh-phụ ngâm* chữ-hán của Đặng chính là tiếng dội lại trước những cảnh binh-lửa loạn-ly ở đời Trịnh Sâm gây cuộc nội-tranh với nhà chúa Nam-hà, khiến bao binh-sĩ Bắc-hà phải « lưng đeo cung tiễn », « lòng vương thê-noa ».

Mà hồi bà Đoàn 70 tuổi, còn đi lại nơi kẻ-chợ để dạy học được, thì rất có thể kịp đọc nguyên-van của Đặng Trần Côn. Cái có tác-giả *Tang-thương ngẫu lục* không chép việc dịch *Chinh-phụ ngâm* nếu quả là dịch-phẩm của Hồng-Hà nữ-sĩ, thì ta cũng không lấy gì làm lạ, là vì các cụ nhà ta xưa thường hay coi thường những sản-phẩm bằng tiếng mẹ đẻ. Chứng-cớ ấy tôi đã thấy rõ trong truyện *Chu An ở tập Ngự chế*. Việt sử tổng vịnh : Chính Chu có Quốc ngữ thi tập trong gồm những bài thơ nôm, thế mà ở mục « *Hiền-thần* » sách ấy chỉ nói có *Tứ thư thuyết ước* và *Tiểu ấn tập* là những món « sở-trước » của Chu. Có lẽ việc bà Đoàn có dịch *Chinh - phụ ngâm* mà không được sử sách ghi chép cũng chung một trường-hợp như *Việt - sử*

tổng-vịnh đối với cụ Chu Van-Trình này chăng?

Còn cái thuyết bảo ông Phan Huy-Ích là dịch-giả *Chinh phụ ngâm* thì cũng có lý, là vì cái chứng-cớ bằng một bài thơ của họ Phan ở làng Thầy (Quốc-oai, Sơn tây) mà ông Đông-châu Nguyễn Hữu Tiến đã nêu trong *Nam-phong* kia cũng không phải không vững chắc :

« Nhân - mục tiên - sinh *Chinh phụ ngâm*

Cao tình, dật diệu bà từ làm :
Cận lai khoái trá tương truyền tụng,

Đa hữu thời sao vị diễn âm.

Vận luật hạt cùng văn mạch túy,

Thiên chương tu hướng nhạc thanh tâm.

Nhân trung phiên dịch thành tân khúc,

Tự tin suy minh tác - giả lâm. » (1)

— Phan Huy-Ích (2)

仁睦先生征婦吟
高情逸調播詞林
近來膾炙相傳誦
多韻有推敲爲音
篇章須向文脉粹
閨中翻譯樂聲尋
自信推明作者心

Giá báo

Mỗi số	0\$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giá tiền trước

Xem bài thơ ấy của Phan Huy-
Ích, ta thấy nhà văn-học kiêm
ngoại, giao dưới triều Quang-
Trung (1788 — 1792) đã nhận
trắng rằng chính mình, trong khi
nhân-rối, từng phiên-dịch thiên
Chinh phụ ngâm của « Nhân-
mục tiến-sinh » (3) thành khúc
mới rồi, vậy ta không thể chối-
cãi rằng họ Phan không phải là
một dịch-giả *Chinh phụ ngâm*
được. Nhưng bây giờ ta chỉ cần
biết bản dịch ấy của ông Phan
thế nào, có giống hay khác với
bản dịch bấy lâu vẫn truyền là
của bà Đoàn thị Diễm. Chúng
tôi rất mong các ông lệnh-diệu họ
Phan nên công bố bản dịch của ông
Phan Huy-Ích ra để gỡ cho xong
một mối nợ lớn về văn-học này.

Trong khi ta chưa đủ chứng-cớ
mã-phân-đoán cái án văn học này
vì chưa tìm được những nguồn
chắc-chắn để quả-quyết bản dịch
Chinh phụ ngâm hiện đang
thông hành là của bà Đoàn thị
Diễm thì, thiết tưởng, ta nên đề
chữ « khuyết danh » ở bản dịch :
« Thừa trời đất nời cơn gió bụi,
« Khách má hồng nhiều nỗi
trần-chuyên,
« Cho bỏ lúc xa sầu, cách nhớ,
« Giữ gìn nhau vui thú a-thanh-
bình.
« Ngâm-ngà mong gửi chữ tình,
« Nường này âu hân tài lãnh
trương-phụ. »

Như thế có lẽ đúng với phương
pháp hóa-học và phân-minh
đối với cái thuyết « trả cho César
cái chỉ của César ».

HOA-BẢNG

1) Cờ chép trong « Dự-ant ngâm
lục ».

2) Nghĩa là : *Cuốn Chinh phụ
ngâm của ông Nhân-mục (kẻu Đặng
Trần Côn theo lên làng, đó là một
lỗi lớn-trọng của ta xưa, cũng như
gọi cụ Nguyễn Khuyết là cụ Yếp-dõ)*

được truyền bá ở nơi từ làm : *Như-
từ từ cao-nhất, cách điên thì kỳ dật.
Gần nay người ta tu ền lung, đọc
lên lấy làm khoái tra làm, Lo nhiều
người phải loay-hoay sửa đi chữ
lại chỉ vì muốn diễn ra quốc-âm. Xì
thợ vận luật thì không sao xét
được cái tình lung của mạch văn.
Nên lần theo thiên-chương mà tìm
lấy tiếng nhạc-diệu. Tôi, trong khi
nhân rối, đem dịch thành khúc mới,
tin rằng mình hiểu rõ được lòng
tác-giả.*

3) Đặng Trần Côn người làng Mọc
(Nhân mục) huyện Thanh trì Hà-
đồng.

Y-LAN PHU-NHÂN

(Tiếp theo trang 11)

Vả, khi đó, Dương Thái-hậu là
dịch-mẫu cung mất rồi.

Lúc thái-tử lên ngôi mới 7 tuổi,
dịch-mẫu Dương-thị và sinh mẫu
Y-Lan buông mảnh nghe việc
triều chính. Theo chính sử thì Y-
Lan thấy Dương Thái-hậu giữ
quyền, trong bụng không yên, nên
xui con là Nhân-Tôn giam cấm
dịch-mẫu là Dương Thái-hậu cùng
bọn cung-nữ 72 người trong cung
Thuận-dương bắt tự sát để tuân
táng theo vua Lý Thánh Tông.

Theo thần-tích làng Siem lại thì
khi Y-lan mới sinh Thái-tử Càn-
Đức, Dương Thái-hậu với bọn cung-
nữ âm-mưu chiếm-đoạt Thái-tử,
bảo là con mình sinh ra và vu cho
Y-lan sinh ra quái-thai, để hãm Y-
lan vào tội. Sau Y-lan mới nhận
được con, rồi từ đó hai bên hiềm-
khích nhau, tiếp đến việc báo oán
ấy.

Làm một việc tàn-ác như thế,
nên văn-niên Y-lan Thái-phi rất
hối hận, càng sùng Phật đạo,
càng làm nhiều việc từ-thiện, đề-
sám hối và dỗi lỗi, phục tị Nào
thi-hành nhiều nhân-chính cho dân,
nào phát tiền trong kho để cứu

tai, tuất nạn, đề chuộc qủa gái
nhà nghèo bị cầm bán, rồi cho
đem gỗ chông vào những nơi từ-
tề, vân vân.

Dù những nhân-chính ấy không
đủ để chuộc tội ác, để rửa sạch
một vết nhơ trên một viên ngọc
quí, nhưng đối với cái công Y-
lan Thái-phi đã từng giám quốc,
được yên-trị, trong khi chồng đi
viễn-chinh, lại giúp con cháu-trương
việc nước khiến nước nhà được
thịnh trị, dân-cư được hưởng
cuộc thái bình, thì cái công của
bà đối với quốc gia như thế lại
phải là nhờ vậy !

Bà vốn mộ Phật, lại có lòng hiếu
hỏi những điều chưa hiểu hoặc
còn ngờ, nên dần dần bước được
vào cõi thâm áo của Phật học.

Ngày 15, tháng 2, năm Hỷ
phong thứ 5 (1096), bà thân đến
chùa Phổ-minh ở Lữ-liêm, hỏi s
Thông-biến về nhiều điều trong
đạo Phật. Nhờ đó, bà cũng v
nhiều điều sở đắc.

Khi đã ngộ đạo, bà có làm mấy
câu kệ bằng chữ Hán, ý nghĩa nh
đây :

Sắc là không, không tức sắc.
Không là sắc, sắc tức không
Sắc ? không ? thời mặc cả,
Mới thấu được chân tông

(Bản dịch của H B)

Nguyên văn bài ấy có in trong
cuốn *Thiền uyển tập anh*. Đó
là một bài văn vần duy nhất còn
sót lại trong đời văn học của bà.

Sự-nghiệp từ bé đến già từ nghèo
hèn đến tôn-quí của Y-lan Thái-
phi thực là một cái gương sáng
cho các bạn nữ-lưu tâm tiến ngày
nay, cho những ai trong đám
quần-thoa, muốn trở nên những
bực anh thư nữ kiệt, muốn tham
gia vào việc xã-hội, quốc-gia, trước
cần phải mý mang tu-thức, cần
phải trau-giồi đức hạnh, cần phải
nâng cao nhân cách, rồi mới mong
tự mình tạo lấy sự nghiệp ch
mình. .

NHẬT NHAM

MỘT NẠN ĐƯƠNG LƯU-HÀNH

trong văn-học phụ-nữ.

của MỘNG-SƠN

CÁCH năm mươi nam trước đây, ở Mỹ-châu và ở Âu-châu nổi lên một phong-trào phụ-nữ. Một số đông chị em viết sách, viết báo ở xứ ta quả-quyết! «Đấy! một phong-trào rộng lớn của phụ-nữ.»

Riêng tôi không tin. -Dẫu nghìn người chống lại, tôi cũng cứ mạnh mẽ nói: «Không tin!»

Cái lối bảo mèo là hổ, hạt cát là vũ trụ không có giá trị đối với người nhìn thẳng vào sự thực. Sự thực, chưa-sốt thay, nhiều khi không ra gì nhưng đây là sự thực, chúng ta phải nhận nó. Vậy tôi cứ nói rằng phụ-nữ thế-giới không chịu ảnh-hưởng gì ở phong-trào ấy vì nó chỉ có tính-cách một phong-trào nữ-tôn (féminisme).

Đời bình-dẳng, bình-quyền đâu phải là đòi giải-phóng?

Cái nhăm-ấy đã trở nên một nạn lưu-hành giữa chị-em chúng ta. Bởi thế có nhà văn, nhà báo yên-chí rằng đàn bà được nhẩy đầm, coi bát, hút thuốc, uống rượu, đánh bạc, chơi với những «bạn trai»... như chồng, ấy là đã được giải-phóng! Ngay-thoắt biết chừng nào!

Thực ra, có nhiều người không những được như chồng, còn «đi xa hơn» chồng nữa, vậy mà vẫn thấy mình bị trói-buộc. Trước tình-thế ấy, họ kinh-ngạc, u-sầu.

Có gì đâu. Xưa nay một số đông chị em chúng ta vẫn tưởng sự nô lệ về di-tính là sự nô lệ về thứ-bực,

Không! không! không bao giờ có thể lộn làm một. Người cầm bút có nhận-thức khoa-học, có nghị-lực xác-đáng và có thành-văn sáng-sủa thì phải phân biệt:

Nô-lệ về di-tính là nhận rằng đàn ông thuộc về phái yếu và cần người ấy che-chở. Khi mỉnh đã trở nên khỏe, hùng như đàn ông, mất cái tính riêng của đàn bà, khi ấy mình đã tự giải-phóng.

Nhưng, thành-thực, phải nhận rằng, mới giải-phóng một tróng muôn phần. Tại sao?

Vì một cố rất dễ hiểu này: «chị-em chúng ta còn nô-lệ về thứ-bực.» Nghèo, chúng ta lại lấy người giàu. Không làm, chúng ta chỉ sống bám vào chồng. Cố nhiên chúng ta bị nô-lệ, bị khinh-bí, mặc dầu người chồng bao giờ cũng tha thiết yêu chúng ta.

Thực vậy. Kinh-tế lọt vào tay ai thì quyền chỉ-huy gia-đình về tay người ấy nắm. Nếu mình kiếm ra tiền, ngoài sự nuôi thân, lại nuôi cả chồng, con, cả cha-mẹ chồng thì dẫu mình chỉ bé như hạt bụi và yếu như cây sậy, chồng cũng không ưc-hiệp nổi.

Trái lại, nếu mình to bằng vũ trụ và khỏe như đại lực-sĩ mà chỉ ăn bám vào chồng làm cái máy dục con, cái máy bóc lột, cái máy tiêu thụ phần son, nước hoa và các đồ xa-xỉ thì chồng cũng đè-nén mình như thường.

Chúng ta chẳng đã từng thấy dưới chế-độ mẫu-hệ, đàn ông nô-lệ đàn bà đó ư? Bấy giờ ngoài sự nô-lệ về di-tính, cũng như đàn bà ngày nay, đàn ông còn bị nô-lệ về thứ-bực. Chỉ vì kinh-tế lọt vào vế-m-khẩn.

Vậy đứng trên miếng đất, văn-học, chị-em, cầm bút, chúng ta cũng nên thận-trọng. Nữ-tôn, xin chớ nhận lầm là giải-phóng. Chúng ta phải hết sức thận-thực vì chúng ta không thể quên phạm-vụ thiêng liêng của mình trước lịch-sử?

Một ngày mà cái nạn lầm-lẫn kể trên còn lưu-hành nữa, ấy là một ngày tội-lỗi đổ vào mình chúng ta.

MỘNG-SƠN.

Chinh phụ ngâm

Bản dịch của Giáo-sư Bùi Văn Lãng do thư-xã Đắc Lộ xuất bản, giấy đẹp, giá 1 \$ 50.

Cho xuất bản quyền «Chinh phụ ngâm» dịch ra chữ Pháp, thư-xã đã nhắc lại, cho ta những nhời than vãn, chứa-chán tâm-sự của người chinh phụ: gặp lúc «giời đất nổi cơn gió bụi», ngồi ở cô-phòng mà trông mong kẻ chinh phụ giờ về với quả-ấn phong hầu.

Văn bản của Đặng-Trần-Côn, bản dịch của Đoàn-Thị-Điểm đã được ôn lại và thêm chú thích dẫn giải các điển tích, quyển *Chinh phụ ngâm* ra hợp vào lúc bốn bề năm châu mở khói lửa, như gọi cái lòng «rượu rượu buồn» của người trong khuê khôn,

T. Đ.

Triển vọng của văn-học phụ nữ

Việt Nam hiện đại

AI-LANG

« Sau lưng ta, bản ngã cô
truyền của ta thầm thì : Hãy
cẩn thận—Nhưng, cả tuổi thanh
xuân của ta reo lên : Thắng tiến. »

Đó là 2 câu thơ bất hủ của một
nữ thi-sĩ Nhật-bản hiện đại, bà
Akiko Yosano. Thi ra, lịch trình
tiến hóa của nhân loại không thể
nào dùng nhân lực, kéo giạt lùi;
lại những hình thức đã chết trong
đĩ vãng. Tiến, cứ tiến, vượt trên
cả thành kiến, cổ truyền, vượt
rên cả luật lệ nghiêm khắc. Cũng
như nụ thủy-liên gặp kỳ xuân ấm,
phiết trứng gà không giữ nổi nở
thành hoa, nước sông không 2
đàn chày qua dưới cầu theo lời
biện-chứng của thầy Héraclite,
văn chương một sản-phẩm của
nhân công, một thành phần trong
kiến trúc thượng tầng của xã hội,
tất cũng phải theo đà muôn ngành
kỹ-thuật mà nhịp nhàng tiến-triển.

Đôi khi, trong những trường hợp
gịch sử bất ngờ, những tình trạng
xã hội tạm thời bế tắc, văn chương
có thể có những xu-hướng, những
hình thức tưởng chừng như giết
lụi. Nhưng kẻ đã quẹo vọt rẽ
xoáy tròn ốc của vòng Lẩn hóa,
không do-dự gì mà không tiên
doán rằng: trong hình-thức tạm
thời phản động vẫn tiềm tàng
những triển vọng cấp tiến chỉ đợi
kỳ đột phát, để tới một ngày mai
rực rỡ huy hoàng.

Phải! không lạc quan với văn
học phụ nữ Việt Nam hiện đại sao

được? Một khi nhà văn-học sử đã
lấy con mắt thống quan dùng
phương pháp khoa học để nhìn
suốt lịch trình tiến hóa của phụ nữ
văn học sử nước ta.

Trong khi kẻ sĩ còn nằm dài
trên phản gỗ đọc thi thư, mơ
tưởng mộng công hầu, đề mậ
bọn nông phu lấy cành cây làm
bừa, lấy đá trau làm cuốc, chuyena
cần ngoài ruộng, lấy sức mình
hàng đỡ cả một giang sơn, thì
trọng đấm nữ lưu quý tộc, có bà
huyền Thanh-quan, trang-trọng,
đài các như... một bà huyện, viết
nên những lời-thơ quý tộc:

Tạo hóa gây chi cuộc hỷ
Đến nay, thối thoát mấy
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo.
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch
dương.

Và cô Hồ Xuân-Hương, một đại
biểu cho bọn phụ nữ dân chúng,
ngấm ngấm không phục tình-thần
Khổng-giáo, lẳng lơ nhưng đánh
thép, cười cợt nhưng chua cay,
gián tiếp giả lời xu hướng văn
chương quý tộc bằng những câu
thơ tài tình lưu truyền thiên cổ:

— Canh khuya vắng vắng
trống canh rền,
Chơ cái ho ly nhạn với nước
non.
— Ai về nhẩn nhủ phường
lời lới.

Muốn sống đem với quê già
đền.

Nước vẫn chảy qua cầu không
giở lại Thời-gian qua Lịch sử-
biến thiên Khi người thợ Việt-
Nam vào làm ở nhà máy, và tiếng
Việt-Nam thêm được những chữ
Cafe là cà phê, casserole là cái
xoong, thì văn chương phụ nữ
Việt-Nam cũng từ cổ điển mà tiến
sang lãng mạn

Trong Nam-Phong tạp chí, bà
Tương-Phổ làm một cuộc cách
mệnh lãng mạn trong văn chương
nữ giới, đem tình cảm sôi nổi, u
sầu vào trong thi ca; đề cả một
thế-hệ phụ nữ bắt đầu biết đọc
thứ chữ giấy muống, sùi sụt ngân
dài:

Sầu thu nặng, lệ thu đầy
Vi lạc san sát, hơi may lạnh
lòng
Ngồn ngồn trăm mối bên
lòng
Ai đem thu cảnh bạn cùng
thu tâm

(N. P. Số 131, trang 18)

Và say mê những thành lũy,
tháp Chàm, bà Huỳnh-thị Bảo-
Hòa lần đầu tiên ở nước Việt Nam,
cặm cụi làm một công cuộc khảo
cứu nhỏ « Chiêm - thánh
Lược khảo ».

1931... 1933 ngày 2) tháng 7,
cô Nguyễn-thị Kiêm lên diễn
đàn hội khuyến học Sùng, hết
sức tán dương thơ mới. Cuộc
diễn-thuyết đông đúc nhốn
nhịp không khác gì một buổi
diễn kịch Herani của phái
lang-nan Pháp quết chửi
thầy phai c - d - n.

Cả báo Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm, Đàn-bà lần lượt ra đời.

Theo đà tiến triển của toàn thể xã-hội, trong địa hạt văn-chương, phụ nữ đã lên tiếng bính quyền. Rộn-rịp, từng bừng 1933, 1937, 1938. Về những địa hạt khảo-cứu, tiểu thuyết tuy còn vắng người, nhưng về báo giới, về thi ca, nhất là về thi ca của phụ nữ đã có một địa khả quan, hơn nữa nhiều nữ thi sĩ đã có những xu hướng rõ rệt :-

Đầu tư tưởng nhiều cảm giác, những đặc tính của thi ca phụ nữ thơng lưu đã thấy hiện ra trong những câu :

*Gió xuân đầu biết cho lòng
thiếp,
Ôm ấp bên mình-thiếp mãi chi
Trong cơn ngáy ngất say sưa
Chợt động cành cây tiếng lá
rung.*

(Vân-Đài)
Thần nhiên, bình tĩnh, tấ chân một cách khách quan, thiếu hẳn những tình cảm nhân đạo hàm súc, một đại biểu của phái phụ-nữ trung sản, dành thi-ca cho một thiểu số là cô Anh Thơ đã vẽ xong *Bức tranh quê* :

*Trong thôn vắng tiếng gà xao
xác gáy.
Các bà già đưa vông hát
thiu thiu.
Những dī con ngồi buồn lè
bất chấy.
Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi
kêu*

Đời thơ còn trong mĩ, quy tặc từ Hồ-Đông nhẹ nhàng lên tiếng, vẫn chưa ngoài cốt cách Nam-Phong :

*Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm.
Lời xưa thêm gợi nỗi thương
tâm.*

*Biệt ly còn bận đòi danh sĩ,
Huống chốn buồng thơ, khách
chỉ kim,*

(M)ng Tuyết—Phấn hương vàng)

Nhưng vượt hẳn các nữ thi-sĩ thơng lưu, trung sản, quý tộc ấy, một xu hướng nhân đạo đã bắt đầu, rộng rãi, tha thiết, nhiều triển vọng xa xôi, nhiều thâm tình cấp tiến với bà Mộng-Sơn :

*Tình ta như sóng năm châu,
Lòng ta như bóng giăng thâu
soi đời.*

*Những ai chung một góc trời,
Cười cười, khóc khóc ai người
khác nhau?*

*Ngàn xưa cho đến ngàn sau,
Xanh đầu ban sớm, bạc đầu
chiều mai.*

*Vui xuân ta nhớ người vui,
Sầu xuân ta vẫn thương người
buồn tênh.*

*Trong nhà thế giới mông mênh,
Lòng nhân loại ấy người tình
của ta.*

*Hỡi rừng, hỡi gió ! Hỡi hương !
Lắng nghe xuân nhạc du
dương lên rồi.*

(Tình-xuân — Đàn bà)

Thi ca phụ-nữ Việt-Nam từ cổ-diễn sang lãng mạn, tới tả chân đã đến nhân-dạo, trong khi cuốn tiểu thuyết đầu tiên đáng nói tới của phụ-nữ (*Rặng đen* của cô Anh Thơ) và cuốn sách giáo dục có nhiều công trình học thuật (*Giáo-dục nhi-đồng* của bà Đạm-Phương) đã thấy xuất hiện. Mặc dầu, đó chỉ là những bước chưa dài của phụ-nữ tiểu thuyết gia, và phụ-nữ họ-giả so với thi ca có lẽ chưa tiến bộ bằng, nhưng đó cũng là những công trình đầu tiên đáng khuyến khích.

Ngọc thủy trào đá lên ! Còn thuyền ấy, một khi buồm đã dương, neo đã nhổ, thì giới xa muôn vạn dặm, còn bao nhiêu ảng hồng tươi. Văn học phụ-nữ Việt-Nam đã tiến, và đang có nhiều triển-vọng tiến xa nữa. Nếu máy hơi nước đã thay vào cuộc đá trau, thì máy điện sẽ thay vào máy hơi nước, Tho lãng mạn của bà Trương-Phổ đã thay vào thơ cổ-diễn của bà Thanh-quan thì thơ nhân-dạo của bà Mộng-Sơn sẽ thay vào thơ lãng mạn của bà Trương-Phổ.

Nhưng thi ca nhân đạo với Mộng Sơn chỉ mới là bắt đầu. So với thi ca lãng mạn, tả chân, cổ điển v.v... là cấp tiến, nhưng so với thi ca của một xã hội Việt-Nam tương lai vẫn còn thấp kém nhiều. Nữ thi-gia trong xã hội hiện đại, tình cảm tuy tế nhị nhưng chưa ra ngoài phạm vi đẳng cấp duy-tâm của mình, tư-tưởng muốn hoành bác, nhưng hoàn cảnh thực tại vẫn ở trong giới hạn hẹp hòi, trực-giác muốn cảm thông cùng nhân loại và vũ trụ, nhưng những điều-kiện vật-chất và sinh-hoạt vẫn kéo thi gia vào vòng mâu thuẫn gay go, dè dặt.

Thiên nga chưa bay được cao để nhìn cả khoảng giới xanh lồng-lộng và say-sưa với xuân sắc không cùng. Xu-hướng cấp tiến của thi ca sẽ bế-tắc và đôi khi có thể giạt lùi về những hình-thức cũ nữa, nếu kỹ-thuật trong đất nước chưa phát triển mạnh mẽ, để làm nền-tảng vật chất cho một văn hóa mới mãi đến muôn đời.

Hướng văn học đầu phải chỉ có riêng một ngành thi ca. Còn khảo-cứu, còn tiểu thuyết, ấy là mới tạm kể 2 ngành chính nhất. Ngó đến những ngành ấy ở xứ ta

không ai dám nhận rằng phụ nữ đã chiếm được một địa vị gọi là đáng kể. Tất cả đều mới là sơ khai. Ấu cũng là một điều đáng buồn vậy.

Với một thế-kỷ kỹ-thuật có từng ngành chuyên môn, văn chương không thể không thành chuyên môn được. Các nhà văn đừng sợ tiếng chuyên môn! Muốn chối cãi thế nào chăng nữa, văn vẫn là một nghề và thiên tài một phần lớn cũng do chuyên luyện. Dùng chữ « thợ làm văn » để rằng hơi chường tai những người quen thành kiến, nhưng dùng chữ « chuyên nghề văn », hẳn lúc này văn giới cũng nghe được rồi. Muốn chuyên môn về văn nghiệp phải có học, có thời giờ, có kinh nghiệm, giàu tình cảm. Và nhất là nghề văn phải nuôi sống được người tận tụy thờ phụng văn chương.

Nhà khảo cứu phải có học ít nhất qua bậc phổ thông, đủ thời giờ xem sách vở, chép tài-liệu, luôn luôn gần gũi những thư viện, bảo tàng những học hội, thư cục...

Phụ nữ Việt Nam đại đa số chưa tới bậc phổ thông, vì thành kiến trọng nam, khinh nữ cũng có, mà nhất là vì điều kiện kinh tế xã hội chưa đầy đủ dồi dào. Chưa đủ nghề nghiệp xã hội và kinh tế độc lập, ắt không sao có thời giờ mà xem sách, khảo tài liệu. Rất ít phụ nữ không bận việc gia đình, việc buôn bán, có chí hiếu học, lui tới những nơi khảo cứu, sách vở, giao thiệp với những học giả chuyên môn. Như vậy, với tình-trạng lúc này, hy vọng gì có những nữ-học giả Việt Nam có tài bằng nữ học giả ngoại quốc. Sản xuất được mấy quyển như *Chiếm - thành lược khảo*, *Giáo dục nhi đồng*, thiết tưởng phái phụ-nữ ham học của nước ta-cũng đã cố gắng lắm rồi. Nhà làm thơ thuyết phải nhiều kinh - nghiệm trong cuộc sống, nhiều cảm giác xúc động vào đáy tâm hồn, mãi mãi thành bản-năng,

nhiều-học lực đề quan niệm nổi những phương pháp phân-tách và tổng hợp theo phương diện-khách quan khoa học.

Hỏi phụ nữ Việt Nam, với những điều-kiện xã hội, kinh tế lệ thuộc đã nói-quá ở trên, thường ngày chỉ quen với bếp núc hay cửa hàng nếu không là Sà-lông và rạp hát, không trải nhiều, cả nhiều, đọc nhiều, rồi tìm chỉ bếp núc là vợ lấy những áng văn chương « tài hoa son trẻ », những thơ tình buồn với rười rượi, những tiểu thuyết quái dị hoang - đường, thì hy vọng gì ở thế hệ này những nữ tiểu thuyết gia đạt nổi được một câu chuyện gọi là sát cảnh đời và hợp lý! Quyển « *Rừng đen* » của cô Anh thơ viết được vượt bản được, tờ *Đàn bà* với ít nhiều chuyện ngắn, dài của phụ nữ ra được đều đều hằng tuần cũng đáng nên khuyến khích lắm rồi.

Trong khi cả một thế hệ phụ nữ còn ở vào những điều-kiện khó lòng chuyên chú vào nghiệp văn, thì một vài nữ thực sĩ nữ bác-vật dù có ra tận tụy năng cao nghề văn chẳng nữa có lẽ làm gì? Văn chương đâu là riêng của thiên số trí thức!

Riêng về thi ca thì phụ nữ Việt-Nam có thể lạc-quan được tại trong địa hạt ấy, điều kiện tình cảm phong phú và cảm giác tế nhị cần thiết nhiều hơn là điều-kiện bác học và kinh nghiệm trường đời. Không chuyên môn không thành nhà khảo cứu và nhà thành nhà văn; nhưng có ít giờ nhàn rỗi ở chốn buồng sâu hay bên hiên vắng, đề yêu văn-vơ, buồn man mác, cảm sâu xa, say nhạc điệu rồi viết thành dam lời thơ ngắn; thì gia cô lẽ không cần phải chuyên môn mà có muốn chuyên môn cũng không sao được vì hàng hóa của nhà xuất bản được chạy đâu phải là thơ.

Bởi vậy cho nên, nữ thi sĩ Việt Nam có thể có nhiều trong khi nữ học-giả và nữ văn sĩ có thể còn

hiếm. Ấy là tình trạng vật chất xã hội đã quy định nên những xu hướng trong văn học nữ giới như vậy. Dù phê bình, dù khuyến khích, luật định mệnh trong lịch trình tiến hóa của các trạng-thái xã hội vẫn nghiêm ngặt, bất di, bất dịch. Bề quan không được, mà lạc-quan cũng là sớm vội. Tất cả sự tiên bộ của văn học phụ nữ Việt Nam trong lai phải đợi sự bên đời của những điều kiện xã hội. Chỉ khi nào phụ nữ khắp nơi đều được đọc sách ấy mới là lúc các ngành văn-học của phụ nữ Việt Nam tiến triển được nhịp nhàng. Dầu sao, hãy so sánh xem

Phụ nữ Nhật bản hiện nay đã có người viết được những câu
« Ta nhỏ lệ cho ai, nếu không phải cho những bạn gái khác
Ta đau đớn vì ai, nếu không phải lại là vì họ... »

(Bunakuren)

Thì phụ nữ Việt Nam, cũng đã có người viết được những câu
« Xuân về, cung nữ phồn hoa,
« Xuân về, thôn nữ ngân nga
trông giời!
« Ước gì xuân chẳng riêng ai,
« Chín kêu muốn ngỏ, nắng
sôi vạn nhà. »

(Vọng Sơn - Đàn Bà)

Phụ nữ Việt Nam há phải kém người trong trường văn học nhân bản. Mà văn học nhân bản, ấy mới là văn học của phụ nữ, ấy mới là văn học cứu cả thế nhân trong cuộc sống ngày mai.

Có một ngày cuối đông, gió bắc ào ào, cây đào trong vườn xơ xác, dam cánh hoa sớm nở, rơi rụng tả tơi. Nhưng sớm mai là một sớm xuân; nắng hồng sẽ chan chứa khắp vườn và muôn ngàn hoa đào sẽ lung nhô.

Là vì: Đêm nay, gió xuân đã sang

AI-LAN

Bốn bà công chúa

(Tiếp theo trang 9)

Thuận-lễ công-chúa tên là Tĩnh-hòa, tên tự là Quý-Khanh, lại một tên tự là Dương-Chi; biệt hiệu là Thường-sơn. Bà là con gái thứ 34 vua Minh-mạng, và em gái Tùng-Thiện quận-vương Miên-thâm, chị cùng mẹ với Lại-đức công-chúa. Sinh năm Minh-mạng thứ 10 (1829) lúc nhỏ là người nhu-thận mình mẫn có đức tốt, ham thích đồ thư và chơi sử, vua rất yêu. Lúc đầu học nhân-nữ ở cung-cung, thi càng thông kinh sử rồi đến Cung-từ nhạc-phủ, hề bà học được điệu nào bên đem dạy người khác, trong cung gọi là nữ-sư.

Đến lúc gần lớn cùng anh là Miên-thâm thờ Sinh - mẫu Quý-nhân ở nhà riêng nhân thế ông anh dạy luật thơ, bá lĩnh hội ngay được Công-chúa là người ham âm luật, khéo về lối van từ khúc, có đặt bộ nữ-nhạc, tiếng ty-trúc đầy nhà, các anh và các em gái thỉnh thoảng lại yến hội, thì bà thường đánh trống thổi sáo làm vui, cho nên đức Thường-sơn quận-vương đề tựa tập thơ có câu rằng: « Tằng thành nguyệt tĩnh, dạ tụng văn yêu diệu chi thanh, động đình phong cao, thu tấu duy kim ti chi nhạc ». Nghĩa là những đêm giăng tỏ thường nghe tiếng dịu dàng, gió mát mùa thu, tấu khúc nhạc tiếng tơ vàng: câu ấy là tả cảnh tự đệ của công-chúa.

Nam Tự-Đức thứ 4 (1851) hạ giá lấy Đặng-văn-Cát phò mã đô-úy là con Đặng-văn-Thịem, bầm văn-minh điện đại-bọc sĩ, thiếu bảo người huyện Quảng điền, phủ Thừa-thiên. Khi đã về nhà chồng, tiếng đàn hảo-hợp, bên cùng ngâm vịnh,

gọi là thi xã. Công-chúa có bài thơ thuật-hoài rằng:

Thực trúc di hoa cường tự
khoan,

Giác vô ngón xư, lệ nan can.

Thương tâm, lỗi thị đình liên
nguyệt,

Bất tử đoàn viên cựu-nhật khan

Nghĩa là: « Giồng trúc đời hoa tựa cho mình là khoan khoan, biết rằng cái chỗ không thể nói được thì nước mắt khó khô. Rất thương tâm ấy là mặt giăng ở trước sân, không thể vì như ngày trước hãy còn đoàn viên ».

Đức Thường Sơn vương khen thơ bà: lời gọn gàng, ý lưu-loát, văn chôi-chảy, điệu mạnh mẽ. Thơ văn của bà đều như thế cả.

Năm Tự-Đức thứ 22 (1869) phong làm Thuận-lễ công-chúa. Năm Tự-Đức thứ 35 (1882) mất, thọ 55 tuổi, tên thụy là Mỹ-Thục, bà có chép tập thơ gọi là *Huệ phổ thi tập*. Đặng-văn-Cát sau vì con là Đặng-văn-Phổ bị tội lây phải cách. Bà có 4 con trai, 6 con gái (chép trong Đại-Nam liệt truyện quyển 9, tờ 20 a-21 a)

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tám câu chú thích dưới này đều dịch theo Đại-Nam liệt truyện, quyển 9, tờ 14 a-15 b.

(1) Huyền minh là chức quan coi về dưới nước.

(2) Việt cơ là nàng hầu yêu của vua nước Sở. Một hôm nàng cùng vua lên trên đài chơi, vua ngảnh lại hỏi: « Có vui không? » Nàng thưa rằng: « Vui thì vui thực, nhưng không biết có được lâu như thế không! » Vua nói rằng: « Ta nguyện cùng nàng sống như thế này, chết cũng lại như thế này ». Nàng vẫn chưa tin lời vua nói là đúng. Kịp đến khi

vua Sở đi cứu nước Trần, nàng Việt cơ đi theo, chẳng may vua bị bệnh có đám mây đỏ giập mặt giờ như hình chim bay; vua hỏi quan sử, quan sử tâu rằng: « Điềm ấy hại đến thân vua, nhưng có thể gán cho tướng văn hoặc tướng võ » Vua không nghe. Nàng Việt cơ nói: « Tôi thay đức của quân vương! Tôi xin theo vua ». Nói rồi, tự tử, cho nên người ta gọi là nghĩa-tử.

(3) Thiên Đàn-cung hạ, trong Kinh Lễ, chép. Từ xa chết ở nước Vệ, người nhà bàn việc tuần làng (đem người sống chôn theo). Vợ nói rằng: « Chồng tôi ốm, chẳng ai nuôi ở dưới suối vàng: xin chết theo. »

(4) Sách Bắc Tề chép Vương bách Niên ở Nhạc lăng bị người ta rêm, vua vờ vào vườn Huyền-đổ. Bách-Niên tự biết không khỏi chết, cắt ngọc quyết thường đeo, để lại cho vợ. Đến khi bị giết, người vợ cầm ngọc quyết, kêu khóc hơn một tháng, không ăn rồi chết, ngọc quyết vẫn còn ở tay.

(5) Đông Chu liệt quốc chép Từ-Tư chạy sang nước Ngô, giữa đường bị bệnh, xin ăn trên bến sông Lại. Có người con gái hái dâu ở bãi sông Lại, mở bầu cơm cho ăn, rồi người con gái tự hỏi, đẩy bầu cơm lại, gieo mình xuống sông Lại mà chết.

(6) Tam quốc chí chép Tiển Chu khi sắp mất, dặn người nhà rằng: « Lâu nay ta bị bệnh, chưa từng vào chầu. Sau khi ta mất, nếu ơn vua cho triều phục, chớ mặc vào mình, nên về chỗ mộ cũ, làm áo quan nhẹ để chịu ơn. »

(7) Kinh Lễ, thiên Tập-ký, chép lễ táng là thắp đường-mà đi.

(8) Nam-sử chép Viên-đàm-Thành theo Lưu Khôi sang Giao-châu rồi mất, người vợ họ Trịnh khóc rằng: « Hồn họ Viên còn mắc ở đây, thì mất mũi nào về nhà ra mắt mẹ chồng! » Lúc bấy giờ họ Trịnh 20 tuổi, con là Văn-Ngung mới sinh, thế mà qua châu Giao muốn đem, đem được sắc chồng về quê chôn: người ta đều ngạc nhiên khen phục

Bóng người đàn bà...

(Tiếp theo trang 13)

Cô Hiệu Thư bằng lòng nên trong những đám tiệc mừng, cụ Nguyễn công Trứ vẫn xách đàn lên đi theo sau.

Một hôm đi qua một cánh đồng thanh vắng, cụ Trứ, trước mặt người ca nữ kiều diễm ấy, « sòng tình nhường đã siêu siêu » nên mới buông lời lời lả. Cô lặng thinh mà chỉ tỏ ý không ưng bằng hai tiếng « ư hử ».

Khi cụ Nguyễn công Trứ thành đạt, nhậm chức Tổng-dốc Hải An, thì tình cờ lại chính cô Hiệu Thư vào hát mừng tiệc thọ.

Trông thấy cụ Thượng Trứ, đường đường một vị đại thần, đang nghiêm trang thưởng thức giọng hát mê ly bằng những roi châu tình tứ, lại là anh kếp đàn khi trước đã theo mình mà trông ghẹo, nên cô bèn hát :

*Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền duyên « ư hử » anh hùng
nhờ chăng ?*

Cụ Thượng Trứ mới nhớ tới câu chuyện cũ rồi nạt người ca nữ ấy làm tiểu thiếp.

Lúc cao hứng cụ mới ghi bóng cô đào già ấy bằng mấy vần thơ bốn cột :

*Liếc trông già đáng mấy mươi
Đem lạng vàng mua lấy tiếng cười,
Giăng xẻ nhưng mà cung chẳng
khuyết,
Hoà làn song lại nhụy còn tươi.
Chia đôi duyên nợ đã hơn một,
Mà nét xuân kia vẹn cả mười.
Vì chút tình duyên nên đậm thắm
Khéo làm cho bạn khách làng chơi !*

Cũng như cụ Thượng Trứ, thi sĩ Tân Đà là một van nhân rất đa tình.

Ngay từ ngày còn cắp sách mới 13 tuổi, ông đã biết yêu, nên sau này ở *Khởi tình con thơ* hai trong « bức thư của người tình nhân có quen biết » ông đã tự thú :

*Giở giang là chữ tài hoa,
Chấp tay vai lạy trăng già chứng
cho*

*Kề từ độ giang hồ lạc phách
Hội tương phùng đâu khách đi la,
Biết nhau khi mới mười ba,
Tuần trăng chưa mãn, nụ hoa chưa
cười*

Rồi khi 19 tuổi ông mê một cô hàng tạp hóa ở phố hàng Bồ Sau người con gái ấy tham giàu lấy một người nước da ngăm ngăm đen, nên trong bài thơ. « Con cá vàng » ông ám chỉ ai ra chiều bốn cột :

*Nước trong xanh lơ lửng con cá vàng,
Cây ngô cành bích con chim phụng
hoàng no đậu cao.*

*Anh tiếc cho em phận gái má đào
Tham đồng bạc trắng mới gán mình
vào cái chủ tây đen.*

*Sợ lơ hồng ai khéo xe duyên
Treo tranh tổ nữ đứng bên anh
tượng đồng.*

Chị em ơi, ba bảy đường chồng.

Trong đời thi sĩ, bóng một giai nhân vẫn thường theo rồi.

Một nữ độc giả, bà Song Khê, em bà Tương Phố, cảm thơ thi sĩ Tân Đà khi đọc mấy câu lơ lửng ở *Khởi tình con* :

*Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đồ ngại tổn, con đường ngại xa,
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khủ, cái cà thời thắm.*

Nấp dưới cái tên Đỗ Tang-nữ, bà gửi tặng nhà thi sĩ thần yểu ít rau sắng kèm với mấy vần thơ :

*Kinh dâng rau sắng chùa Hương,
Đỡ ai tiền tổn, con đường đỡ xa.
Không đi xin gửi lại nhà,
Thay cho dưa khủ cùng là cà thắm.*

Trước cái thịnh tình ấy của bà Song Khê, thi sĩ Tân Đà cảm tình người tri kỷ, nên trong phần phụ lục đang ở cuối *Truyện thế gian*, có mấy vần thơ « bài phục » :

*Mấy nhời cảm tạ tri âm,
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là
tình.*

*Đường xa rau hũy còn xanh,
Tấm lòng thơm thảo, bát canh ngọt
ngào*

*Yêu nhau xa cách càng yêu,
Dẫu tang xương nhạt mà nhiều chưa
chan,*

*Nước non khuất nẻo ngư nhân,
Tạ lòng xin mượn Thê gian đưa
trình (3)*

Vài giai thoại kể trên chứng rằng đối với văn nhân thi sĩ bóng người đàn bà vẫn hằng vẫn vương.

Hon ai hết, tâm hồn van nhân, thi nhân thường hay biêt rung động trước vẻ đẹp mê ly của con người ngọc.

Trong văn chương việt nam, những câu chuyện kể trên không phải là hiếm.

Vì vậy, nhờ những bóng hồng lướt qua đời các thi nhân, chúng ta đã từng được đọc những bài thơ điêu luyện.

Và, với các cụ ta xưa, một nụ cười, một khoé mắt của một mỹ nhân kiều diễm nếu không làm đổ vỡ một cái gì thì cũng khuấy gợi nên biết bao thi tứ.

PHẠM MẠNH PHAN

(1) Viết theo tài liệu của bạn Hoa Bằng

(2) Vì trạng mao Thuyền Sơn giống con vượn, nên tự đặt hiệu như vậy

(3) Các sách báo tham khảo :
Hoa-Bằng : Bài văn học ta xưa .
Tri Tân số 59

Kiều thanh-Quế : Đan bà và nhà văn

Dương-quảng-Hàm : Việt hán giáo khoa thư

Sở Cường : Vị Xuyên thi văn tập

Lê Thuớc : Nguyễn công Trứ

Nguyễn-văn Ngọc : Nam thi hợp tuyển

Lê Thanh : Thi sĩ Tân Đà

Nguyễn khắc-Hiếu : Tân Đà và văn
Giấc mộng lớn,
Truyện thế gian

Bài được giải khuyến-khích trong cuộc thi
« Lịch - sử ký sự » do Tri-Tân tổ chức

Hai bà BÙI-THIẾU-XUÂN và LÊ ÁI-LU'NG

(Phụ lục)

TRỊNH NHƯ CHẤT

VỀ hồi Lê-mạt, trong nước toi-bời nhiều trận can qua, chính-trị suy-tàn, nhân-dân đồ thán.

Thời ấy nhà họ Bùi ở Khuê-phương (Hải-duong), nhờ bà tiết-phụ chèo-chở, qua dần những khúc ba đào. Bà, một dạ kiên trinh, sớm hôm tần tảo để nuôi hai con lầy còn thơ ấu. Đầu lòng là gái tên gọi Thiếu-Xuân, mới mười hai tuổi, mặt gương sắc-sảo, lại thông-minh vào bực xuất-quần. Thử đến Bùi Sơn : một trai cỉnh-ngộ khác đời.

Mẹ góa, con cô, lần chuỗi ngày ảm đạm trong bầu không-khí hiên hiếu.

Người chủ thấy Xuân yêu-diệu thông-minh, bèn đón thầy về nhà cho cháu dùi mài đèn sách.

Từ ngày theo nghiệp bút nghiên, Xuân lấy van thơ thay việc kim chỉ. Vì thông-tuệ, chẳng bao lâu, Xuân đã trở nên một tay hay chữ.

Với chí-khi khác đời, Xuân những muốn theo gương Trưng-vương, Triệu-Au, để trở nên một chàng nữ-khiết !

Một ngày xuân đầu nam, học-đường qua mây ngày tết lại cuốn bức màn để tiếp đón các học-sinh. Nam mới học-sinh khai bút, vừa lúc hoa xuân nở, chim vượn ca, quang cảnh chốn học-đường thực có vẻ nên thơ khôn viết.

Một chàng thư-sinh bình-dung tuấn-tú tới nơi xin nhập học. Chàng họ Trần tên Quang-Diệu, quê ở Hương-tân (Thái-bình) dòng dõi anh-hào, trên còn hai thân vốn cùng họ Bùi là bạn tâm-giao, nên gửi con sang nhờ trông-nom học-tập.

Thấy người thiếu-niên phong-vận, thầy cũng vui lòng nhận nhời cho học.

Từ đó, Thiếu-Xuân và Trần-Quang-Diệu cùng học một trường. Giai-nhân, hiệp-sĩ tương-phùng, đồng-thanh đồng khí, vắn sớm, bài trua, ganh đua học-tập.

Rồi hai bên tơ lòng vẩn-vít, niềm riêng tuy chưa ngỏ, nhưng sớm hôm vẫn trộm nhớ thầm yêu.

Một ngày kia, trong lúc học-đường còn vắng, chưa đến giờ khai giảng, Thiếu-Xuân tình cờ đến sớm, gặp ngay Quang-Diệu. Diệu bèn đánh bạo, ngỏ ý mơ tưởng bấy lâu.

Xuân từ tạ mà rằng : « Phận gái thơ ngây, trên còn huyền đường, theo luân-lý, đâu dám tự tiện. Vạy chàng hãy cố làm cho công thành danh-toại, bây giờ sẽ tính đến cuộc tram nam ».

Từ đó nghĩa sâu thăm thẳm, tình sâu đời dẫu.

Nhưng một hôm, tới học-đường nàng bỗng thấy vắng bóng chàng

không hiểu vì đâu. Lòng riêng âm thầm mong nhớ.

Sau, nàng nhận được thư Quang-Diệu cho hay tin buồn : « Đương khi đèn sách đua vui, có người nhà tới nơi đưa tin cha thụ bệnh, nên vội-vàng thu xếp ra về. Vì pháp-nghiêm, nên không tiện tới nơi từ-biệt. Về nhà thuốc thang hầu hạ thân sinh, hết lòng hôm sớm, nhưng than ôi ! nghiêm đường đã vội cưới hạc xa chơi ! Nay việc nhà phải gánh vác, không sao theo đuổi bút nghiên được nữa. Còn việc nhân duyên, xin đợi qua ba năm tang tóc, ba năm thắm thoát là đâu ! »

Thiếu-Xuân xem xong thư khôn cầm giọt lệ.

Rồi từ đấy Thiếu-Xuân cũng xin nghỉ học, ở nhà phụng dưỡng mẹ già, trông nom vườn ruộng. Có khi đối cảnh trời mây man-mác, sườn non chim lác-đác bay, lại ngậm ngùi nhớ người xa, thắm-thoát trang thu dãi mấy phen tròn, khuyết.

Một hôm êm trời, Thiếu-Xuân cùng em dạo gót thăm đồng, bỗng gặp một văn-nhân phong-nhã đoan-trang. Ấy là Đặng-trần-Quý tức Đặng Trần-Thường, người họ Trần làm con nuôi họ Đặng, một danh-sĩ đời Hậu-Lê.

Thấy người sắc nước hương trời, Đặng-Quý như ngây như ngất, mê mẩn tâm thần, bèn dò la tham hỏi, cậy bang-nhân đưa tiếng ước duyên. Thân-mẫu Thiếu-Xuân từ tạ mà rằng : « Con trẻ còn thơ, ngu độn, nên chưa dám đính duyên ».

Đặng-Quý kiên chí đợi chờ, ngày đêm càng chăm việc sách đèn. Gặp khoa hương Quý đi thi danh chiếm bảng hồ.

Vinh quy xa mã chật đường,
gần xa nức tiếng. Rồi vâng mệnh
Triều-đình Quý trọng nhậm phủ
Tứ-xon tỉnh nhà (Bắc-ninh).

Đặng-Quý sấm sanh sinh lễ, cày
người tới hỏi Thiếu-Xuân làm vợ.

Được mẹ cho tùy ý định liệu,
Thiếu-Xuân không vì hám vinh-
hoa phú-quý mà sai lời nguyên
xưa, nên nàng quả quyết từ hôn.

Từ đây, Thiếu-Xuân vẫn cứ yên
tâm chờ đợi Quang-Diệu. Nhà lan
trưa sớm thanh-thoai, đương vui
vẻ, thì huyền già thụ bệnh rồi
quy tiên, để lại hai con côi cút!

Đặng-Trần-Thường được tin,
bèn xin cưới chạy tang. Cò, gi,
chú, bác, nhà nàng cũng đều giỗ
một bề ép duyên con trẻ.

Thiếu-Xuân cố từ, lấy cớ rằng
đầu đương tang tóc, lẽ nào lại
nhận một việc trái đạo nhân-luân!
Nếu các tôn-trưởng trong nhà
không soi xét, thì đành một thác
đề theo mẹ về chốn cửu tuyền.

Chú cũng chiều lòng, không
dám nài ép. Ma chay xong, chú cho
dón cả hai chị em sang nhà, đề
đèn sách khuây sầu.

Ba năm qua, Đặng-Trần-Thường
lại xin kết tơ đào. Ông chú bèn

định ngày vu quy và khuyển cháu
rằng: « Nam nữ đạo thường,
nhôn khôn ai cũng phải tình
đường thất gia. Trước yên phận
chị, sau còn phận em. Vả xem gia
thế cũng xứng đáng, cháu cũng
nên vâng nhời chủ dầy »

Thiếu-Xuân không còn nhẽ gì
từ hôn được, bèn trở về tư phòng
ngần-ngor nghĩ ngợi. Hết đứng
tủi lại ngồi sầu, không nghĩ được
kể gì cho qua bước khó khăn,
đành liều mượn sợi dây oan
nghiệt cheo thân ngọc bên rèm,
để rút mối phiền trong bề khổ!

Hay đâu sinh tử tại trời! May
thay, giữa lúc ấy, người em bỗng
đến gần phòng hương, vừa kịp
cứu chị khỏi chết.

Chị bèn thỏ lộ can tràng, kể hết
ý định với em: Nay đã vì em mà
phải đeo đẳng cái sống thừa, thì
quyết phải tìm nơi ẩn-chú cho
toàn danh-tiết.

Tối ngày cưới, cả nhà tấp nập
vui vầy.

Thiếu-Xuân nổi lòng đau đớn,
bèn nhân lúc trăng tà, sương lạnh
qua vườn hoa lần trốn, đem thân
gửi chốn thiên môn.

Thế là tổn bao công phu, mất
bao thời giờ chờ-đợi rút cục Đặng-
Quý vẫn không lấy được Thiếu-
Xuân, nên sinh thâm thù Trần-
Quang-Diệu. Rồi Đặng-Quý đi giúp
vua Gia-long đánh Tây-sơn, làm
đến chức Tán lý quân-ự

Sau khi thân phụ Trần-quang-
Diệu mất đi, thân mẫu vì thương
cảm quá, sinh đau mắt rất nặng.
Diệu phải đưa đi tìm thuốc ở
phương xa, chưa một tháng gò
mỏi khỏi.

Lúc về, thuận gió xuôi thuyền,
đang đi được may dăm thì trời

hôm mây ám, trăng tà, gặp một
bọn cướp trên bờ nhẩy xuống
thuyền, vơ vét tiền nong hành lý,
trói hai mẹ con, điệu về rừng,
cùng giam một chỗ.

Khi bị giải đến tướng-dài, Diệu
thấy hai bên quân lính hai hàng, cò
cao, súng nhọn, giáo dài, uy-nghiêm
lẫm-liệt, giữa gian, đường-đường
« ngự » một vị tướng-quân, khi-
thế hiên ngang; ấy là Mạc-khúc-
Quyền người tỉnh Đông, xưa cũng
theo nghiệp bút nghiên, sau quyết
chí vẫy vùng bốn phương, nên hợp
đang làm việc chọc trời khuấy
nước.

Khúc-Quyền thấy Quang-Diệu ra
vẻ văn-nhân tuấn-tú, bèn ân-cần
hỏi rõ nguyên-ủy, rồi lưu lại giúp
việc binh-cơ.

Quang-Diệu miễn cưỡng ở lại
trong quán. Thấm-thoát mấy phen
trắng đã khuyết đầy, nghĩ đến cảnh
tha phương cơ-lữ, đôi phen chán-
chứa mối sầu! Quang-Diệu rất
được trọng-dụng, có khi quân kế
hội mưu, đều được tham dự. Nhờ
có mưu cao chước lạ của Quang-
Diệu, binh uy của Khúc-Quyền dần
tăng gấp bội, biết bao phủ huyện
bị phá, thành trì bị tan.

(Còn kỳ nữa)

(Thuật theo giả sử)

TRINH NHƯ CHẤT

Đã có bán

Văn hào Tolstoi

Khảo cứu của Ng. phi Hoanh
Tựa của Phan van Hùm
Giá 2\$40

**DÀN BÀ VÀ
NHÀ VĂN**

Khảo cứu của
KIỀU THANH QUÊ
Giá 1\$20

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
J. LAMBLLOT — Paris

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. In đẹp

Bản thường: 5\$00

Bản Giỏ Văn (bết)

Bản Impér'al Đại La: 20\$00

(còn một số ít)

Anh oa

69 hán Than Harlot

Đã xuất-bản**CHINH-PHỤ NGÂM**

của thư-xã Alexandre de Rodes
bản dịch Pháp-văn của Bùi-văn-Lãng

Cuốn sách thứ nhì trong một từng-thư, có
thẻ dùng trong ban trung-đảng cổ-diễn Viễn-
đông. Theo cách trình-bày ở bộ KIM VÂN
KIỀU của ông Nguyễn văn Vĩnh dịch Pháp-
van.

120 trang khổ 17×23 , bìa hai màu,
có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh-Quỳnh.

Bản giấy thường 1 \$ 50 — cước 0 \$ 47

Bản giấy Đại La Impérial 5 \$ 00 — 0 \$ 90

mua lĩnh hóa giao ngân, kèm thêm 0 \$ 30

Tổng phát-bành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes, Hanoi

Quyển Từ-diễn chuyên môn đầu tiên
trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ điển
lịch thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn.
Có cảm thấy cái hay ấy thì mới đề ý đến quốc-
văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho
xuất bản tập « Văn liệu Từ-diễn » giúp rõ
những tiếng dùng trong quốc-văn mà khó hiểu
cổ, thật là một cái công lo với quốc-văn, vì tập
sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn
một phần lớn ».

Trích thư của

Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16×25

Giá bán lẻ có 5 \$ 00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm
0 \$ 70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi - HANOI

51, Doumer - HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học

Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây

Muốn trở nên triết sĩ

CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC

ĐẠI-CƯƠNG

Quốc Học Thư-Xã

xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3 \$ 00

bản giấy vergé crème 10 \$ 00

bản giấy lénh-chỉ 5 \$ 00

cước 1 cuốn 0 \$ 60 mua sách xin trả tiền trước đề

M. LÊ VĂN HÒE

16 bis TienTsin Hanoi

Sắp ra

KHÔNG TỬ HỌC-THUYẾT

Một bộ sách khác hẳn các sách nói về

Không Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bộ

PHẠM QUỲNH

Tủ sách



HÀN THUYỀN

« **TÂN VĂN HÓA** »

HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71, Tien-Tsin — HANOI

25-9-43 có bản

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của NGHIÊM TẾ 2 \$ 50

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ

của BÁCH KHOA

1 \$ 80

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của NG. Đ. QUỲNH

1 \$ 80

ỐC KHOA HỌC của P. N. KHUÊ

2 \$ 20

ĐỜI SỐNG THÁI CỎ

của NG. Đ. QUỲNH

2 \$ 20

NGUỒN GỐC VĂN MINH

của BÁCH KHOA

2 \$ 20

THƯỢNG CỔ SỬ AI CẬP

của NG. ĐỨC QUỲNH

2 \$ 20

Mua 1 cuốn trả tiền trước kèm 0 \$ 10 cước

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaume, Hanoi